

HỒ SƠ MỜI THẦU

MUA SẮM HÀNG HÓA QUA MẠNG

MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu : DCQ9-GĐ2-BP09-00

Tên gói thầu : **Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn**

Dự án : **Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9 (Giai đoạn 2)**

Phát hành ngày : **27/02/2026**

Ban hành kèm theo Quyết định : **03/TR/DCQ9-GĐ2/QĐ-FCN**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đã ký)

NGUYỄN HOÀNG LINH

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT;
- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm;
- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
- Mục 4: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hóa theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động lựa chọn nhà thầu, tìm cách để có quan hệ riêng của mình để trúng thầu.</p> <p>4.3. Dàn xếp thông thầu, gian lận, thay đổi, che giấu, cố ý làm sai lệch thông tin.</p> <p>4.4. Có dấu hiệu làm giả hồ sơ hoặc cố ý làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác, hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đã ký theo kết quả lựa chọn nhà thầu, gây hậu quả, thiệt hại lớn cho Chủ đầu tư.</p> <p>4.6. Đưa thông tin thất thiệt gây ảnh hưởng, mất uy tín của Chủ đầu tư.</p>
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước mà nhà thầu hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;</p> <p>d) Bảo đảm cạnh tranh trong hoạt động mua sắm;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự hoạt động mua sắm theo Quy Định Quản Trị của Chủ đầu tư;</p> <p>g) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p>

	<p>h) Có tên trong Danh Sách Ngắn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh Sách Ngắn.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm d, e, và g Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3. Tính hợp lệ của vật tư, thiết bị:</p> <p>a) Tất cả vật tư, thiết bị được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị chính. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của vật tư, thiết bị. Đối với các vật tư, thiết bị khác, nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) “Xuất xứ của vật tư, thiết bị” được hiểu là được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi vật tư, thiết bị được sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu;</p> <p>c) Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị phù hợp với đề xuất của nhà thầu.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSMT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu. <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng; - Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;

	<p>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT, khảo sát hiện trường</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu; trường hợp hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.5. Nhà thầu nên đi khảo sát hiện trường công trình cũng như khu vực liên quan và tự chịu trách nhiệm tìm hiểu mọi thông tin cần thiết để lập E-HSDT cũng như thực hiện hợp đồng thi công công trình nếu trúng thầu. Toàn bộ chi phí đi khảo sát hiện trường do nhà thầu tự chi trả.</p> <p>7.6. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ</p>

	<p>theo quy định tại E-BDL. Chủ đầu tư đăng tải thông báo tổ chức hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống; tất cả các nhà thầu quan tâm được tham dự hội nghị tiền đấu thầu mà không cần phải thông báo trước cho Chủ đầu tư. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống.</p> <p>7.7. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.8. Việc nhà thầu không đi khảo sát hiện trường hoặc không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã khảo sát hiện trường hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).</p>
<p>10. Thành phần của E-HSDT</p>	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh được theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Bản kê khai và tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.5. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.6. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 E-CDNT;</p>

	<p>10.7. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 5 E-CDNT và tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký đơn dự thầu;</p> <p>10.8. Các nội dung khác theo quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT có quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Tổ Chuyên gia có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
13. Giá dự thầu và giảm giá	<p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá);</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng;</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hóa”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV.</p> <p>13.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của giá dự thầu thấp khác thường</p>

	<p>đó theo quy định tại Quy Định Quản Trị.</p> <p>13.3. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.4. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của E-HSĐT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại.</p> <p>15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm¹, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...</p> <p>15.5. Nhà thầu phải kê khai xuất xứ của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều xuất xứ cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) nhưng cùng một hãng sản xuất và có cùng đơn giá thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định cụ thể xuất xứ của hàng hóa này.</p> <p>15.6. Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa thực hiện theo Mẫu số 01A, 01B, 01C Chương IV.</p> <p>15.7. Nhà thầu phải kê khai hãng sản xuất của hàng hóa trong Mẫu số 10B Chương IV. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho nhiều hơn một đơn vị tính của hàng hóa (hai cái, hai chiếc...) thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ để xác định số lượng tương ứng với</p>

¹ Bảo hiểm cho các hạng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...

	<p>từng hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu chào nhiều hãng sản xuất cho một đơn vị tính của hàng hóa (một cái, một chiếc...) thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.</p> <p>15.8. Nhà thầu phải đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá (nhà thầu không được tham chiếu tới các nội dung khác trong E-HSDT mà phải đề xuất cụ thể tại Mẫu số 10B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin kê khai trong Mẫu số 10B Chương IV so với tài liệu đính kèm thì thông tin trong Mẫu số 10B là cơ sở để xem xét, đánh giá, trừ trường hợp ký mã hiệu (nếu có), nhãn hiệu, hãng sản xuất kê khai tại Mẫu số 10B Chương IV không tồn tại trên thị trường.</p> <p>15.9. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V.</p> <p>15.10. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>15.11. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalogue do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalogue khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo E-BDL.</p> <p>16.3. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về</p>

	<p>năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh và đính kèm khi nộp E-HSDT. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không</p>

được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo đảm dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo đảm dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký (ký số đối với bảo lãnh dự thầu điện tử) hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có).

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định tại **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Chủ đầu tư:

a) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu;

	<p>b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT; - Nhà thầu vi phạm nội dung quy định tại Quy Định Quản Trị; - Nhà thầu vi phạm các quy định có liên quan dẫn đến phải hủy thầu; - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo, hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Chủ đầu tư chấp nhận; - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ có thông báo của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc lý do khác được Chủ đầu tư chấp nhận. <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSĐT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSĐT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSĐT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSĐT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSĐT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSĐT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSĐT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSĐT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSĐT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSĐT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp</p>

	<p>lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: Nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống (ngoại trừ E-HSDT của nhà thầu đã nộp trước thời điểm sửa đổi E-HSMT và nhà thầu không nộp E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT được sửa đổi) đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, giải quyết trong thời hạn không quá 04 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu theo một trong hai cách sau đây: (i) Cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu nhằm tăng thêm số lượng nhà thầu nộp E-HSDT. Trong trường hợp này phải quy định rõ thời điểm đóng thầu mới và các thời hạn tương ứng để nhà thầu có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung E-HSDT đã nộp theo yêu cầu mới; hoặc (ii) Cho phép mở thầu ngay để tiến hành đánh giá.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐT; - Thời gian thực hiện hợp đồng; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, thành viên Tổ Chuyên gia về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSĐT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong E-HSĐT của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSĐT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-</p>

	<p>HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Tổ Chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>25.3. Tổ Chuyên gia phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT và Mục 16 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác,</p>

	<p>đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của Chủ đầu tư.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Trường hợp có yêu cầu dịch vụ liên quan quy định tại Mẫu số 01D Chương IV, Chủ đầu tư có thể cho phép nhà thầu được sử dụng nhà thầu phụ. Việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ thực hiện theo Mẫu số 09A Chương IV.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ liên quan.</p> <p>27.5. Nhà thầu có hành vi chuyển nhượng thầu theo quy định.</p>

	<p>27.6. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu đã trúng thầu và các công việc tư vấn này bao gồm: thẩm định giá; giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định; lập, thẩm định E-HSMST, E-HSMT; đánh giá E-HSDST, E-HSDT; thẩm định kết quả sơ tuyển (nếu có), kết quả lựa chọn nhà thầu; tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi:</p> <p>a) Nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi trong đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc trong đánh giá về tài chính thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi có lợi nhất cho nhà thầu tương ứng với từng nội dung đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc đánh giá về tài chính.</p> <p>b) Trường hợp tất cả các nhà thầu tham dự thầu đều được hưởng ưu đãi như nhau hoặc tất cả các nhà thầu đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không cần tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng.</p> <p>c) Nhà thầu phải chứng minh nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu.</p> <p>d) Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên.</p> <p>28.2. Đối với hàng hóa quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu, việc xác định hàng hóa được ưu đãi được thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, không xác định theo quy định tại Mục 28.3 E-CDNT.</p> <p>28.3. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng E-HSDT:</p> <p>Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên trong giá hàng hóa. Việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam có thể áp dụng công thức trực tiếp hoặc công thức gián tiếp sau:</p> <p>Công thức trực tiếp: $D (\%) = G^*/G \times 100\%$</p> <p>Công thức gián tiếp: $D (\%) = (G - C)/G \times 100\%$</p> <p>Trong đó:</p> <p>G*: Là chi phí sản xuất trong nước</p> <p>G: Là giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế; đối với nhà thầu là nhà sản xuất thì G là giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng</p>

	<p>hóa</p> <p>C: Là giá trị của các chi phí nhập ngoại, không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu</p> <p>D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. $D \geq 30\%$ thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.</p> <p>28.4. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.5. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A, 15B và 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. Trường hợp nhà thầu đã kê khai ưu đãi theo Mẫu số 15A và 15B hoặc 15C Chương IV nhưng không đính kèm các tài liệu chứng minh thì chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu để xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp các nhà thầu chào hàng hóa có cùng ký mã hiệu (nếu có), hãng sản xuất, năm sản xuất, xuất xứ Việt Nam nhưng có nhà thầu kê khai, có nhà thầu không kê khai hàng hóa này thuộc đối tượng ưu đãi thì chủ đầu tư quyết định cho các nhà thầu không kê khai ưu đãi được làm rõ để có cơ sở đánh giá ưu đãi đối với các hàng hóa này.</p> <p>28.6. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p> <p>28.7. Nhà thầu phải đính kèm tài liệu để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.8. Các ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Tổ Chuyên gia áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Quy trình đánh giá E-HSDT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, việc xếp hạng nhà thầu thực</p>

	<p>hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p>- Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> <p>29.5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:</p> <p>a) Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại.</p> <p>b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu của nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung, thay thế trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc đối với mỗi lần thay thế. Việc bổ sung, thay thế đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu được thực hiện tối đa hai lần để bảo đảm nhà thầu có nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT theo cam kết trong đơn dự thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu không bổ sung, thay thế nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu theo yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc sau khi làm rõ, bổ sung, thay thế, nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT theo cam kết trong đơn dự thầu thì nhà thầu sẽ bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai, cung cấp thông tin, tài liệu về nhân sự, thiết bị không trung thực, thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là cố ý làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu bị xử lý theo Quy Định Quản Trị.</p> <p>h) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu được Chủ đầu tư mời vào đối chiếu tài liệu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho</p>

	<p>Chủ đầu tư đề Chủ đầu tư¹ tổ chức đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Bản gốc bảo đảm dự thầu; b) Tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm gần nhất phù hợp với số liệu về thuế của nhà thầu trên Hệ thống thuế điện tử; c) Tài liệu chứng minh tình hình tài chính theo quy định tại Mẫu số 08 Chương IV phù hợp với số liệu tài chính trên Hệ thống thuế điện tử; d) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...); tài liệu chứng minh năng lực sản xuất (đối với trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất); đ) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, bằng cấp, chứng chỉ, kinh nghiệm của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT; e) Tài liệu khác (nếu có). <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, số liệu về tài chính từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.3 E-CDNT.</p> <p>30.3. Chủ đầu tư gửi Thông báo mời đối chiếu tài liệu đến nhà thầu trên Hệ thống. Trong Thông báo mời đối chiếu tài liệu phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu, thời gian, địa điểm thực hiện đối chiếu tài liệu trên cơ sở bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p>31. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> 31.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III. Trường hợp hợp tại thời điểm xét duyệt trúng thầu, nếu nhà thầu bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống thì Chủ đầu tư cần yêu cầu nhà thầu thực hiện khôi phục trạng thái tham gia để được xét duyệt trúng thầu; 31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;

¹ Trường hợp trong hợp đồng ký giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn có nội dung thuê đơn vị tư vấn thực hiện đối chiếu tài liệu thì tổ chuyên gia do đơn vị tư vấn thành lập còn phải thực hiện trách nhiệm đối chiếu tài liệu.

	<p>31.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.</p>
<p>32. Hủy thầu</p>	<p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT, hoặc các trường hợp hủy thầu khác tại Quy Định Quản Trị;</p> <p>b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt và các trường hợp khác làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ Quy Định Quản Trị hoặc thực hiện trái quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Quy Định Quản Trị dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Khoản 2, Điều 68 của Quy Định Quản Trị.</p> <p>32.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ Mục 33.1 E-CDNT, Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường bất kỳ khoản tiền nào cho nhà thầu. Nhà thầu vi phạm Quy Định Quản Trị hoặc quy định pháp luật dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT.</p>
<p>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu;

	<ul style="list-style-type: none"> - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu. <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>34. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ</p>	<p>Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p>
<p>35. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Phần 4 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói</p>

	<p>thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>37.1. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 E-ĐKC Chương VI. Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.
<p>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>Việc giải quyết tranh chấp, kiến nghị được thực hiện theo quy định của Chủ đầu tư. Quyết định của Người có thẩm quyền là quyết định có hiệu lực cao nhất giải quyết các tranh chấp, kiến nghị phát sinh.</p>

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT.
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn Tên dự án: Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9 (Giai đoạn 2).
E-CDNT 3	Nguồn vốn: Vốn vay ngân hàng/Vốn đầu tư phát triển kinh doanh.
E-CDNT 5.1(c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông FPT (<i>Địa chỉ: Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh</i>). <ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp nhà thầu, Chủ đầu tư là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước, nhà thầu được tham dự gói thầu của Chủ đầu tư nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. • Trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập, nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý. • Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với Chủ đầu tư. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán: Không có (<i>Chủ đầu tư tự thực hiện</i>); • Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: Không có (<i>Chủ đầu tư tự thực hiện</i>); • Tư vấn đánh giá E-HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không có (<i>Chủ đầu tư tự thực hiện</i>). - Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức

	<p>trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. - Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p>
E-CDNT 7.6	Hội nghị tiền đấu thầu: Không.
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: 330.000 VND.
E-CDNT 10.8	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nhà thầu (<i>hoặc của từng thành viên liên danh trong trường hợp liên danh tham dự thầu</i>). - Nhà thầu phải cung cấp Báo cáo tài chính 03 năm (năm 2022, 2023, 2024) và các tài liệu được quy định tại Mẫu số 08 Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu (<i>Lưu ý: Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định</i>). - Các tài liệu chứng minh Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm (Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, Chương III) cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> • Văn bản hợp đồng (hoặc thỏa thuận khung mua sắm tập trung); và • Biên bản nghiệm thu hoàn thành và bàn giao; hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng (hoặc Biên bản thanh lý thỏa thuận khung mua sắm tập trung); và • Hóa đơn tài chính hợp lệ.

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

- Các tài liệu chứng minh Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu về năng lực nhân sự chủ chốt được quy định chi tiết tại *Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt (Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, Chương III)*.
- Các catalogue, các tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa, thư xác nhận, kết quả kiểm định chất lượng... nêu rõ các thông số kỹ thuật, đồng bộ hoặc phù hợp với thông số dự thầu do nhà sản xuất/đại diện hợp pháp của nhà sản xuất phát hành. Trường hợp nhà thầu cung cấp không đủ hoặc thiếu catalogue, các tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa, thư xác nhận, kết quả kiểm định chất lượng..., Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu bổ sung nếu cần thiết.
- Nhà thầu **cam kết bằng văn bản** đính kèm E-HSDT:
 - Cam kết đảm bảo đủ năng lực thực hiện công việc theo quy định của pháp luật trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng. Trường hợp hợp pháp luật có sự thay đổi, nhà thầu phải tuân thủ và chịu mọi chi phí có liên quan để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về năng lực theo quy định của pháp luật có liên quan.
 - Cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu đảm bảo là hàng mới 100% sản xuất từ năm **2025**, đảm bảo chất lượng, không lỗi kỹ thuật hoặc khiếm khuyết, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
 - Cam kết cung cấp các thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện thay thế khi Chủ đầu tư có nhu cầu mua thay thế trong thời gian sử dụng dự kiến của hàng hóa là 10 năm.
 - Cam kết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu được quy định tại **Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng, Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng** thuộc E-HSMT (bản scan đính kèm).
 - Cam kết đáp ứng thời gian bảo hành, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về bảo hành, bảo trì theo yêu cầu của E-HSMT.
 - Cam kết cung cấp bản gốc tài liệu để đối chiếu khi có yêu cầu của Bên mời thầu. Trường hợp phát hiện có sự gian lận trong việc cung cấp hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu thì nhà thầu sẽ phải bị xử lý cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu theo Quy định quản trị về hoạt động mua sắm của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT và pháp luật hiện hành.
- Nhà thầu phải đính kèm E-HSDT Bảng tuyên bố đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật theo mẫu được quy định tại *Mục 1.2.1. Yêu cầu chung về hàng hóa thuộc gói thầu (Mục 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật, Mục 1, Chương V)*.

	<p>- Nhà thầu phải lập và đính kèm E-HSDT Bảng danh mục liệt kê chi tiết toàn bộ các hàng hóa, vật tư, thiết bị, phụ kiện lắp đặt dự kiến cung cấp cho gói thầu để thi công, lắp đặt hoàn thiện hệ thống tủ rack và thanh nguồn PDU (<i>nêu rõ tên từng loại hàng hóa, vật tư, thiết bị, phụ kiện lắp đặt; đơn vị tính; khối lượng; ký mã hiệu; nhãn hiệu; xuất xứ sản xuất; ... nêu rõ từng loại/dạng của có thuộc phạm vi áp dụng trực tiếp kết quả thử nghiệm chịu lửa đã có sẵn của nhà sản xuất</i>).</p> <p><i>Lưu ý: Các tài liệu được nộp trong E-HSDT dưới hình thức bản scan màu từ bản chính hoặc bản scan màu từ bản sao y chứng thực.</i></p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 13.4	Chào giá: Theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV).
E-CDNT 15.10	Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): 10 năm.
E-CDNT 16.2	<p>Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: Có yêu cầu giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (sau đây gọi là Giấy phép bán hàng).</p> <p>Trường hợp nhà thầu không tự sản xuất hoặc chế tạo hàng hóa được chào trong E-HSDT của mình thì nhà thầu phải nộp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam. Nhà thầu có thể đính kèm hoặc không đính kèm tài liệu này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có tài liệu này. Việc nhà thầu không đính kèm tài liệu nêu trên không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. Nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá để được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình được tài liệu nêu trên trước khi ký hợp đồng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của những tài liệu, thông tin do mình cung cấp. Trường hợp nhà thầu không xuất trình được giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu</p>

	<p>khác có giá trị tương đương để ký hợp đồng thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu đã được xét duyệt trúng thầu nhưng nhà sản xuất, đại lý, nhà phân phối không cung cấp Giấy phép bán hàng mà không có lý do chính đáng và nếu nhà thầu vẫn chứng minh được khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác thì vẫn được ký hợp đồng mà không cần xuất trình Giấy phép bán hàng.</p>
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 180 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm dự thầu: 385.032.139 VND (<i>Bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm triệu, không trăm ba mươi hai nghìn, một trăm ba mươi chín đồng</i>). - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 210 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 10% giá dự thầu.
E-CDNT 28.4	<p>Cách tính ưu đãi:</p> <p>a) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% và không có hàng hóa nào có chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau:</p> <p>Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.</p> <p>Đối với trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 10% thay cho hệ số ưu đãi 7,5%.</p> <p>b) Ưu đãi đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên được xác định như sau:</p> <p>Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 10% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có)</p>

của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 2,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì không phải cộng thêm tiền vào giá dự thầu của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.

Đối với các trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên, đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực thì được hưởng hệ số ưu đãi 12% thay cho hệ số ưu đãi 10%.

c) Ưu đãi đối với hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo có xuất xứ Việt Nam, sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu như sau:

Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 15% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng; hàng hóa thuộc đối tượng ưu đãi mà có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên phải cộng thêm một khoản tiền bằng 5% giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.

Đối với các hàng hóa không phải là sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam, sản phẩm quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu, trường hợp nhà thầu chào hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 7,5%; hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên thì khi tính ưu đãi, hệ số 15% được thay bằng 10%.

d) Sản phẩm đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi theo quy định tại điểm c khoản này khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển hoặc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; - Sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, sản phẩm, hàng hóa từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nước theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Sản phẩm được tạo ra trên cơ sở sáng chế, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng của chính nhà thầu được cấp văn bằng bảo hộ trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp hoặc chương trình máy tính của chính nhà thầu trong thời hạn không quá 05 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả; - Sản phẩm chip bán dẫn; - Sản phẩm đạt giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về giải thưởng thi đua khen thưởng và pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; - Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu và phát triển tại một trong các cơ sở của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo cấp quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh; - Sản phẩm mới tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. <p>Sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản này được hưởng ưu đãi trong thời hạn 06 năm kể từ lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.</p>
E-CDNT 28.8	Các ưu đãi khác (nếu có): Không có.
E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSĐT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.2(d)	Cách thức thực hiện: Việc so sánh, xếp hạng E-HSĐT được xác định trên cơ sở giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.
E-CDNT 29.2(đ)	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
E-CDNT 31.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp

	nhất.
E-CDNT 34.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 10%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 10%.
E-CDNT 38	Mọi thắc mắc vui lòng gửi về địa chỉ: Ban Dự án - Tòa nhà FPT Tân Thuận 2, Lô 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của E-HSMT, thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật; giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh.
2. Hiệu lực của E-HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định trong E-HSMT.
3. Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
4. Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).
5. Trường hợp nhà thầu liên danh thì phải có Thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên ký, đóng dấu.
6. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu). Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu, việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT

của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam “VIETCOMBANK” (tỷ giá bán ra) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần	Phải thỏa mãn yêu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	gồm thuế VAT)	nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 17.825.562.000 VND⁽⁷⁾ .	câu này			
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự	<p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tính chất tương tự⁽¹⁰⁾: Hợp đồng cung cấp hoặc Hợp đồng cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn PDU. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu⁽¹¹⁾: 6.417.202.320 VND. - Trường hợp nhà thầu cung cấp 02 hợp đồng, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • 01 Hợp đồng cung cấp hoặc Hợp đồng cung cấp và lắp đặt tủ rack có giá trị tối thiểu là 4.259.880.720 VND (<i>Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm năm mươi chín</i> 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05A

Gợi thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<p><i>triệu, tám trăm tám mươi nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> 01 Hợp đồng cung cấp hoặc Hợp đồng cung cấp và lắp đặt thanh nguồn có giá trị tối thiểu 2.157.321.600 VND (<i>Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm đồng</i>). <p><i>Nhà thầu lưu ý: Giá trị nói trên không phải là giá trị hợp đồng mà là giá trị hoàn thành tương ứng của hạng mục trong hợp đồng, đồng thời giá trị nói trên chỉ được xét trong 01 hợp đồng có hạng mục tương ứng, mà không phải là giá trị cộng dồn từ nhiều hợp đồng có thực hiện hạng mục tương ứng đó.</i></p>				
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	bán hàng khác⁽¹²⁾	<p>các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. 				

Ghi chú:

- (1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.
- (2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.
- (3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

- (4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật

thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

- (5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

- (6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, Chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019

đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia lựa chọn một trong hai cách thức để quy định trong E-HSMT như sau:

- a) Cách 1: Là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...); **hoặc**
- b) Cách 2: E-HSMT quy định theo 2 tiêu chí:
 - (i) Tiêu chí 1: Là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...);
 - (ii) Tiêu chí 2: Là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (trương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS – Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 06 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>).

Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát do E-HSMT yêu cầu (Tiêu chí 1) hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS (Tiêu chí 2) đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp một hạng mục hàng hóa có nhiều mã HS khác nhau, E-HSMT quy định các mã HS này, nhà thầu có hàng hóa đáp ứng một trong các mã HS này được coi là đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

Ví dụ: Hàng hóa thuộc gói thầu là máy tính xách tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xx.xx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu chưa được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng lĩnh vực tổng quát theo yêu cầu của E-HSMT (Tiêu chí 1).

- Đối với gói thầu mua trang thiết bị y tế, mã HS được xác định theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Bộ Y tế, hàng hóa tương tự theo mã HS (xác định theo tiêu chí 2) là trang thiết bị y tế cùng nhóm hàng hóa (trương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư

số 14/2018/TT-BYT).

- Trường hợp Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia khó khăn trong việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, E-HSMT được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực tổng quát (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiệm thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng Tiêu chí 2).
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định lĩnh vực tổng quát, mã HS cho các hạng mục chính của gói thầu.

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn **Y/1,25** và/hoặc chia gói thầu thành các phần (lô) để tăng tính cạnh tranh cho gói thầu. Trong đó, **Y** thông thường khoảng 50% giá trị của gói thầu đang xét; riêng đối với trường hợp gói thầu có một số hạng mục hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện gói thầu dài hơn 1 năm thì E-HSMT yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

Ví dụ: Gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của Chủ đầu tư trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói thầu là 100.000.000.000 đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là: $50\% \times 100.000.000.000/2 = 25.000.000.000$ đồng.

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- (i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **Y** (hoặc **Y/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc
- (ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

Trong đó:

- + Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.
- + Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.
- Trường hợp nhà thầu vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, nhà thầu còn phải kê khai về năng lực sản xuất theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 02 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà

sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, hợp đồng tương tự được xác định tương ứng với khối lượng, giá trị của hàng hóa mà nhà thầu dự thầu, bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa mà nhà thầu chào (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn).

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

- (iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó **K** bằng 50% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc
- (iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp 500.000 cái bơm tiêm dùng một lần có mã HS **9018.31.10** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mô treo trần có mã HS **9405.10.20** (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý)

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*
 Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

cung cấp 2 máy thở có mã HS 9018.90.30, trong đó đã bàn giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS 9405.40.91, trong đó đã bàn giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục đèn mổ treo trần) thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói thầu này.

- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng $50\% \times 1,64$ tỷ đồng.
- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:
 - + Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng ($1,5 \times 50$ máy $\times 30 / 180$ ngày) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;
 - + Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là $\geq 50\% \times 400$ triệu đồng), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là $\geq 50\% \times 100$ triệu đồng).
- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*
 Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

- + Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng ($50\% \times (10 \text{ tỷ đồng} + 12 \text{ tỷ đồng})$) hoặc
- + Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng ($50\% \times 10 \text{ tỷ đồng}$) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng [$50\% \times 12 \text{ tỷ đồng}$].”.

Trường hợp nhà thầu A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

- Ví dụ 5: Gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần (ví dụ chia thành 03 phần) như sau:

STT	Tên phần (lô)	Phạm vi cung cấp	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Lô số 01	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Lô số 02	Hàng hóa B	9025	20.000.000.000
3	Lô số 03	Hàng hóa C	9025	30.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu tham dự thầu đối với cả 03 phần của gói thầu mua sắm hàng hóa nêu trên có 01 hợp đồng cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị đã thực hiện là Z được đánh giá như sau:

- + Trường hợp 1: Nếu $Z < 5.000.000.000 \text{ VND}$ thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.

- + Trường hợp 2: Nếu $5.000.000.000 \leq Z < 10.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01.
- + Trường hợp 3: Nếu $10.000.000.000 \leq Z < 15.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01 và Lô số 02.
- + Trường hợp 4: Nếu $Z \geq 15.000.000.000$ VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.”.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 ⁽²⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần	Phải thỏa mãn yêu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *"Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9" (Giai đoạn 2)*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	gồm thuế VAT)	nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 17.825.562.000 VND⁽⁷⁾ .	câu này			
4	Năng lực sản xuất hàng hoá⁽¹⁰⁾	<p>Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: - Tủ rack: 261 sản phẩm/01 tháng; - Thanh nguồn PDU: 522 sản phẩm/01 tháng. <p>Hoặc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: - Tủ rack: 261 sản phẩm; - Thanh nguồn PDU: 522 sản phẩm 	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (trưng đấu thầu với phân công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B
5	Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng	Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác⁽¹²⁾	<p>một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT. 				nguyên tắc

Ghi chú:

- (1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.
- (2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.
- (3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

- (4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật

thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

- (5) Khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.
- (6) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

- (7) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Căn cứ xác định nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ, nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam là Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được nhà thầu sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu.

- (8) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 03 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/03/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.

Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong

trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.

(9) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, Chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(10) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$; hoặc

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 365 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$. Thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$.

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số $k = 1,5$ thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 30/20) = 27.000$ hộp sữa hoặc công suất thiết kế tối thiểu trong 01 năm/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 năm của nhà thầu là: $1,5 \times (12.000 \times 365/20) = 328.500$ hộp sữa.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng hoặc 01 năm; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định theo công thức trên tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu). Trong trường hợp này, Chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

- (11) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM
(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)	Khả năng bảo hành, bảo trì
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, kết quả hoạt động tài chính, khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác áp dụng theo quy định tại Bảng số 01, Bảng số 02 Chương này.

Ghi chú:

- (*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó. Trường hợp gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, yêu cầu về doanh thu của từng phần được xác định theo công thức quy định tại ghi chú số (7) Bảng số 01, ghi chú số (9) Bảng số 02 Chương này (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức).
- (**) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp gói thầu mua sắm tập trung áp

dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, yêu cầu về quy mô hợp đồng tương tự đối với từng phần được xác định theo ghi chú số (11) Bảng số 01, ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ, NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA
(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS ⁽¹⁾	Chủng loại, lĩnh vực ⁽²⁾	Giá trị được coi là tương tự (VND) ⁽³⁾	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu⁽⁴⁾

Ghi chú:

- (1), (2) Nội dung tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.
- (3) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.
- (4) Giá trị tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyên gia công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai, cung cấp thông tin, tài liệu về nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là cố ý làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu và bị xử lý theo Quy Định Quản Trị.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được quy định tại Bảng số 03 dưới đây. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh và thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1	Cán bộ quản lý công tác lắp đặt	01	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 05 năm; và - Tối thiểu 01 hợp đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh nghiệm trong các công việc tương tự của nhân sự Cán bộ quản lý công tác lắp đặt sẽ được đánh giá dựa trên nội dung mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT (Mẫu số 06C) đáp ứng số năm tối thiểu mà nhân sự đó thực hiện các công việc tương tự được quy định tại cột Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Bảng 03. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt); - Trường hợp, Nhà thầu chứng minh Kinh nghiệm trong các công việc tương tự của nhân sự Cán bộ quản lý công tác lắp đặt bằng các hợp đồng trong các công việc tương tự tương ứng với số lượng hợp đồng theo yêu cầu của E-HSMT được quy định tại cột Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (Bảng 03. Yêu cầu về nhân sự chủ chốt, Mục 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt) thì nhà thầu phải đính kèm E-HSDT các tài liệu chứng minh sau: <ul style="list-style-type: none"> (i) Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu hoàn thành; (ii) Quyết định phân công nhiệm vụ (hoặc các tài liệu tương đương khác) chứng minh các nhân sự đã từng đảm nhận vai trò Cán bộ quản lý công tác lắp đặt trở lên. <p><i>Lưu ý: Các tài liệu phải được đính kèm E-HSDT dưới hình thức bản scan màu từ bản chính hoặc bản scan màu từ bản sao y chứng thực.</i></p>

Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.
- (2) Chỉ quy định trong trường hợp dịch vụ liên quan có yêu cầu phải có chứng chỉ chuyên môn.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng phương pháp **Đạt/Không đạt** để đánh giá về kỹ thuật.

Bảng đánh giá yêu cầu kỹ thuật		
STT	Nội dung	Yêu cầu
A	HỆ THỐNG TỦ RACK	
I	Yêu cầu kỹ thuật thiết bị, vật tư	Đạt: Đạt tất cả các yêu cầu kỹ thuật Không đạt: Không đạt 01 trong các yêu cầu kỹ thuật
II	Yêu cầu bản vẽ kỹ thuật	Đạt: Trình bày đầy đủ theo các yêu cầu Không đạt: Không cung cấp tài liệu hoặc có tài liệu nhưng không đầy đủ theo yêu cầu
III	Yêu cầu giải pháp triển khai và lắp đặt	Đạt: Trình bày đầy đủ theo các yêu cầu Không đạt: Không cung cấp tài liệu hoặc có tài liệu nhưng không đầy đủ theo yêu cầu
IV	Yêu cầu khác	Đạt: Có đầy đủ cam kết thực hiện Không đạt: Không có cam kết thực hiện hoặc Có cam kết nhưng không đầy đủ
B	THANH NGUỒN PDU	
I	Yêu cầu kỹ thuật thiết bị	Đạt: Đạt tất cả các yêu cầu kỹ thuật Không đạt: Không đạt 01 trong các yêu cầu kỹ thuật
II	Yêu cầu khác	Đạt: Có đầy đủ cam kết thực hiện Không đạt: Không có cam kết thực hiện hoặc Có cam kết nhưng không đầy đủ

E-HSDT được đánh giá “**ĐẠT**” về kỹ thuật khi đáp ứng tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật tại Mục A, B, C và D được quy định tại bảng và được chuyển sang xem xét, đánh giá về tài chính.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Sử dụng **phương pháp giá thấp nhất** để đánh giá chi tiết về tài chính.

- **Bước 1.** Xác định giá dự thầu;
- **Bước 2.** Sửa lỗi;
- **Bước 3.** Hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có);

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

- **Bước 4.** Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- **Bước 5.** Chuyển đổi giá dự thầu sang một loại đồng tiền chung (nếu có), xác định giá trị ưu đãi (nếu có);
- **Bước 6.** Mời nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất đến chào lại giá dự thầu. Chủ đầu tư có thể mời nhà thầu đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật có giá chào thấp thứ hai chào lại giá dự thầu để đảm bảo cạnh tranh;
- **Bước 7.** E-HSDT có giá dự thầu thấp nhất sau Bước 6 được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không áp dụng.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có): Không áp dụng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa	Scan và đính kèm	X	
2	Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 02A. Đơn dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)			X
4	Mẫu số 02B. Đơn dự thầu (áp dụng đối với trường hợp nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
5	Mẫu số 02C. Văn bản thỏa thuận (đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)			X
6	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
7	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm		X
8	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)			X
9	Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)	Scan và đính kèm		X
10	Mẫu số 05B. kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
11	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
12	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
13	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
14	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EC, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
15	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
16	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
17	Mẫu số 09B. Danh sách các công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
18	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp			X
19	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu			X
20	Mẫu số 11.1 Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)			X
21	Mẫu số 11.2 Bảng tổng hợp giá dự thầu (Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.2 Chương này)			X
22	Mẫu số 12.1A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
23	Mẫu số 12.1B. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)			X
24	Mẫu số 12.1C. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)			X
25	Mẫu số 12.2A. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)			X
26	Mẫu số 12.2B. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)			X
27	Mẫu số 12.2C. Bảng giá dự thầu của hàng hóa (áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)			X
28	Mẫu số 13A. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)			X
29	Mẫu số 13B. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan (áp dụng cho loại hợp đồng hỗn hợp)			X
30	Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)			X
31	Mẫu số 14B. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)			X

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
32	Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi			X
33	Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)			X
34	Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)			X

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
1	Tủ Rack 1200x600x42U - Khung tủ tải trọng tĩnh ≥ 1.200 kg - Cánh tủ độ mở ≥ 120 độ, lỗ thông gió đạt $\geq 70\%$ diện tích cánh cửa tủ - Bao gồm công tắc hành trình - Bao gồm nhân công triển khai lắp đặt	Bộ	334,00	- Đáp ứng các yêu cầu được nêu tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. - Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT, các tài liệu đính kèm E-HSMT.		Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9 <i>(Địa chỉ: Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh).</i>	60 ngày	90 ngày
2	Tủ Rack 1200x800x42U - Khung tủ tải trọng tĩnh ≥ 1.200 kg	Bộ	12,00					

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*
 Dự án: *"Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9" (Giai đoạn 2)*

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Cánh tủ độ mở ≥ 120 độ, lỗ thông gió đạt $\geq 70\%$ diện tích cánh cửa tủ - Bao gồm công tác hành trình - Bao gồm nhân công triển khai lắp đặt 							
3	Tủ Rack 1200x600x42U <ul style="list-style-type: none"> - Khung tủ tải trọng tĩnh ≥ 1.200 kg - Cánh tủ độ mở ≥ 120 độ, lỗ thông gió đạt $\geq 70\%$ diện tích cánh cửa tủ - Bao gồm công tác hành trình - Bao gồm nhân công triển khai lắp đặt 	Bộ	350,00					
4	Thanh nguồn PDU 32A 1P, C13 + C19, basic <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ quá tải đầu vào công suất 32A 	Bộ	1.392,00					

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*
 Dự án: *"Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9" (Giai đoạn 2)*

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa ⁽¹⁾	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng ⁽²⁾	
							Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng module theo chuẩn IEC-60320-C13 và IEC-60320-C19 được ghép thành dãy thẳng hàng. Tất cả các ổ cắm C13, C19 đều có khóa phích cắm đảm bảo kết nối an toàn và tránh ngắt kết nối ngẫu nhiên. - Dòng đầu ra cực đại với ổ cắm chuẩn IEC-60320-C13: $\geq 10A-250VAC$ - Dòng đầu ra cực đại với ổ cắm chuẩn IEC-60320-C19: $\geq 16A-250VAC$ - Bao gồm nhân công triển khai lắp đặt 							

Ghi chú:

- (1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.
- (2) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V.

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN⁽¹⁾

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ ⁽²⁾
1	Thi công, lắp đặt hoàn thiện hệ thống tủ rack và thanh nguồn (bao gồm lắp đặt phụ kiện, vật tư phụ...), đưa vào vị trí lắp đặt trên mặt bằng bố trí.	1,00	Gói	Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9 (Địa chỉ: Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh)	120 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, Tết), kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư đã bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu

Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư không nhập Biểu này trên Hệ thống.
- (2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Ngày giao hàng” tại Mẫu số 01A, 01B, 01C.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu là tổ chức)

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____ *[ghi tên gói thầu]*

Kính gửi: ____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên Nhà thầu]*, Mã số thuế: ____ *[Nhà thầu điền thông tin]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* số E-TBMT: ____ *[ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ (VND) *[Nhà thầu điền thông tin]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____% *[ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ (VND) *[Nhà thầu tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Bảo đảm dự thầu*: ____ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*.

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh).
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾.

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng⁽⁵⁾.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.
- (2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.
- (3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.
- (4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.
- (5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:
 - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
 - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng”.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày: ____

Tên gói thầu: ____ *[ghi tên gói thầu]*

Dự án: ____ *[ghi tên dự án]*

Kính gửi: ____ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ *[Đối với nhà thầu là cá nhân, Nhà thầu điền thông tin tên cá nhân và mã số thuế của cá nhân; đối với trường hợp nhà thầu là nhóm cá nhân, Nhà thầu điền thông tin tên của các thành viên và mã số thuế theo Mẫu số 02C]* cam kết thực hiện gói thầu ____ *[ghi tên gói thầu]* số E-TBMT: ____ *[ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là ____ *[Nhà thầu điền thông tin]* cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ____ *[ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ *[Nhà thầu tự tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*

Bảo đảm dự thầu *: ____ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]*.

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ____ *[ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng

* Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ nội dung về giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu.

theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu⁽³⁾.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾.

12. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng⁽⁵⁾.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của cá nhân nhà thầu (hoặc thành viên được nhóm cá nhân phân công theo văn bản thỏa thuận) khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- (2) Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.
- (3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.
- (4) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh mà E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.
- (5) Trường hợp gói thầu áp dụng đấu thầu trước, nhà thầu không phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu thì sửa khoản này như sau: “Trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Chủ đầu tư công khai tên chúng tôi trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trừ trường hợp bất khả kháng, gồm:
 - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT;
 - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ

khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng;
- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng”.

VĂN BẢN THỎA THUẬN

(Áp dụng đối với nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo)

Ngày ___ tháng ___ năm ___

Căn cứ E-HSMT của gói thầu: ___ [ghi tên gói thầu] với số E-TBMT: ___ [ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]

Chúng tôi gồm có:

Thành viên thứ nhất:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Thành viên thứ hai:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

.....

Thành viên thứ n:

Họ và tên: _____

Số CCCD/Hộ chiếu: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____

Mã số thuế: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm cá nhân với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm cá nhân để tham dự thầu gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ___ [ghi tên dự án] do ___ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của nhóm từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] như sau:

Phân công ____ [ghi tên cá nhân] làm thành viên đứng đầu nhóm, đại diện cho nhóm trong những phần việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số cá nhân để nộp E-HSDT cho cả nhóm.
- [- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả nhóm;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhóm cá nhân không trúng thầu;
- Hủy thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]
CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM CÁ NHÂN [ký, ghi rõ họ tên]

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: ____

Gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: ____ [ghi tên dự án]

Căn cứ E-HSMT gói thầu: ____ [ghi tên gói thầu] với số E-TBMT: ____ [ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

*- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;**- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;**- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].***Điều 2. Phân công trách nhiệm**Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*Dự án: *"Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9" (Giai đoạn 2)*

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công cho ___ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ___ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ___ - ___	- ___ % - ___ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___ % - ___ %
...
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*ghi tên dự án*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh ___ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ___ *[ghi tên dự án]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, Nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT.
2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu.
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu.
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, kể cả trong trường hợp bất khả kháng.
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng.
6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn

Dự án: “Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 **E-BDL**, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.
- (2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).
- (4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án ___ [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, Nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT.
2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu.
3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu.
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, kể cả trong trường hợp bất khả kháng.
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc trường hợp bất khả kháng.
6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thỏa thuận khung trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSĐT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.
- (2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:
 - Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;
 - Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;
 - Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.
 - Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSĐT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm

dự thầu.

- (3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 **E-BDL**.
- (4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).
- (5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

(Áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: ___ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ___ VND	
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ___ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
2. Chung loại, lĩnh vực hàng hóa	<i>[ghi thông tin chung loại, lĩnh vực nếu có]</i>		
3. Mã HS	<i>[ghi thông tin về mã HS nếu có]</i>		
4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
5. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
6. Các đặc tính khác	<i>[ghi các thông tin khác (nếu có)]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

- (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.
- (3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA

(Áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: ___ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*.

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): ___ *[Điền số lượng nhà máy]*

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	<i>[Ghi tên nhà máy]</i>
Địa chỉ:	<i>[Ghi địa chỉ nhà máy]</i>
Tổng mức đầu tư:	<i>[Ghi tổng mức đầu tư]</i>
Công suất thiết kế:	<i>[Ghi công suất thiết kế]</i>
Công suất thực hiện:	<i>[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]</i>
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu	<i>[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng]</i>
Tiêu chuẩn sản xuất:	<i>[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]</i>
Số lao động đang làm việc:	<i>[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]</i>

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSMT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu ghi họ và tên nhân sự chủ chốt]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
STT	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chức chỉ/ Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu 06C Chương IV) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Ghi chú:

- (1) Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hoặc có 01 hợp đồng (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
<input type="checkbox"/> Có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: ____	

Ghi chú:

- (1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, Tổ Chuyên gia phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (scan đính kèm)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ___ tháng ___ đến ngày ___ tháng ___ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- (2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu phải nộp các tài liệu sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾
(Chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Luật Đấu thầu.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- (3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT; trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN ĐẢM NHẬN PHẦN
CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.
- (2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.
- (3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.
- (4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng		Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>
					Ngày giao hàng sớm nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	Ngày giao hàng muộn nhất <i>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần]</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
3							
...							

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7): Hệ thống tự trích xuất. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (4) nhà thầu tự điền.

Cột (8): Nhà thầu điền.

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Hàng hóa thứ 1									
2	Hàng hóa thứ 2									
...										
n	Hàng hóa thứ n									

Ghi chú:

- Cột (1), (2), (9), (10): Nhà thầu tự điền. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (10) nhà thầu tự điền.

- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: Nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “Theo đề xuất kỹ thuật”; nhãn hiệu: “Theo E-HSĐT”; xuất xứ: “Theo đề xuất kỹ thuật” ... thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “Không có” vào cột số (3). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “Không có” thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

- Cột (11): Nhà thầu tự điền (nếu có). Trường hợp cột này bỏ trống và nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê.

- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C).

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)
I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	$(M) + (I)$

II. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Giá dự thầu của hàng hóa	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
3	Chi phí dự phòng	$(C) = a\% \times ((M) + (I))$
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	$(M) + (I) + (C)$

III. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói	$(G1) = (M1) + (I1)$
1.1	Giá hàng hóa	$(M1)$
1.2	Dịch vụ liên quan	$(I1)$
II	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá	$(G2) = (M2) + (I2) + (C)$
2.1	Giá hàng hóa	$(M2)$
2.2	Dịch vụ liên quan	$(I2)$
2.3	Chi phí dự phòng	$(C) = a\% \times ((M2) + (I2))$
	Tổng cộng giá dự thầu <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	$(G1) + (G2)$

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp E-HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.2 Chương này)

I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1)
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2)
3	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M1) + (M2) + (I)

II. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1)
2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2)
3	Dịch vụ liên quan	(I)
4	Chi phí dự phòng	$(C) = a\% \times ((M1) + (M2) + (I))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(M1) + (M2) + (I) + (C)

III. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp:

STT	Nội dung	Giá dự thầu
I	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng trọn gói	$(G1) = (M1) + (M2) + (I1)$
1.1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(M1)
1.2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(M2)
1.3	Dịch vụ liên quan	(I1)
II	Giá hàng hóa và dịch vụ liên quan áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá	$(G2) = (X1) + (X2) + (I2) + (C)$
2.1	Hàng hóa sản xuất gia công trong nước	(X1)

Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn

Dự án: “Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)

STT	Nội dung	Giá dự thầu
2.2	Hàng hóa sản xuất gia công tại nước ngoài	(X2)
2.3	Dịch vụ liên quan	(I2)
2.4	Chi phí dự phòng	$(C) = a\% \times ((X1) + (X2) + (I2))$
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn dự thầu)	(G1) + (G2)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Hàng hoá thứ 1											M1
	...											
n	Hàng hoá thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12): Nhà thầu điền.

Cột (13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Hàng hoá thứ 1											M1
	...											
n	Hàng hoá thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12): Nhà thầu điền.

Cột (13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)
I. Hàng hóa áp dụng loại hợp đồng trọn gói:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Hàng hoá thứ 1											
	...											
n	Hàng hoá thứ n											
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M1)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12): Nhà thầu điền.

Cột (13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

II. Hàng hóa áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Hàng hoá thứ 1											M1
	...											
n	Hàng hoá thứ n											Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12): Nhà thầu điền.

Cột (13): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (10)x(12)	(14)	(15)= (13)+(14)	(16)	(17)= (15)+(16)
Tổng														(M*)		(MI)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (14), (16): Nhà thầu tự điền.

Cột (13), (15), (17): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)-(13)	(15)= (10)x(14)	(16)	(17)= (15)+(16)	(18)= (10)x(13)	(19)	(20)= (17)+(18) +(19)
Tổng																(M*)			(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (16), (19): Nhà thầu tự điền.

Cột (14), (15), (17), (18), (20): Nhà thầu tự tính; Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá)
I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (10)x(12)	(14)	(15)= (13)+(14)	(16)	(17)= (15)+(16)
Tổng														(M*)		(M1)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (14), (16): Nhà thầu tự điền.

Cột (13), (15), (17): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)-(13)	(15)= (10)x(14)	(16)	(17)= (15)+(16)	(18)= (10)x(13)	(19)	(20)= (17)+(18) +(19)
Tổng															(M*)			(M2)	

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (16), (19): Nhà thầu tự điền.

Cột (14), (15), (17), (18), (20): Nhà thầu tự tính; Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)

I. Hạng mục dụng loại hợp đồng trọn gói

I.1. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (10)x(12)	(14)	(15)= (13)+(14)	(16)	(17)= (15)+(16)
Tổng														(M*)		(MI)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (14), (16): Nhà thầu tự điền.

Cột (13), (15), (17): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (M*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*
 Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

I.2. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)-(13)	(15)= (10)x(14)	(16)	(17)= (15)+(16)	(18)= (10)x(13)	(19)	(20)= (17)+(18) +(19)
Tổng																(M*)			(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (16), (19): Nhà thầu tự điền.

Cột (14), (15), (17), (18), (20): Nhà thầu tự tính; Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

II. Hạng mục dụng loại hợp đồng theo đơn giá

II.1. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng [ghi theo phạm vi cung cấp]	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (10)x(12)	(14)	(15)= (13)+(14)	(16)	(17)= (15)+(16)
Tổng														(M*)		(M1)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (14), (16): Nhà thầu điền.

Cột (13), (15), (17): Nhà thầu tự tính. Thành tiền (X*) chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

II.2. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)-(13)	(15)= (10)x(14)	(16)	(17)= (15)+(16)	(18)= (10)x(13)	(19)	(20)= (17)+(18) +(19)
Tổng																(M*)			(M2)

Ghi chú:

Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (16), (19): Nhà thầu tự điền.

Cột (14), (15), (17), (18), (20): Nhà thầu tự tính; Thành tiền (X*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *"Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9" (Giai đoạn 2)*

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN
(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3X7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)

Ghi chú:

Cột (1) đến (6): Nhà thầu tự điền.

Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Cột (8): Nhà thầu tự tính.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN*(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)***I. Dịch vụ liên quan theo loại hợp đồng trọn gói:**

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3X7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
..							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I1)

Ghi chú:

Cột (1) đến (6): Nhà thầu tự điền.

Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Cột (8): Nhà thầu tự tính.

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*Dự án: *"Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9" (Giai đoạn 2)*

II. Dịch vụ liên quan theo loại hợp đồng theo đơn giá:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3X7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1							
2							
...							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)

Ghi chú:

Cột (1) đến (6): Nhà thầu tự điền.

Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Cột (8): Nhà thầu tự tính.

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(Áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Nhà thầu điền các cột từ (1) đến (8). Nhà thầu phải đề xuất và chào giá cho các vật tư, phụ tùng thay thế theo hướng dẫn tại Mục 15.10 E-CDNT và Mục 4 Chương III. Đối với mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, cột (4) Nhà thầu tự điền.
- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E- HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

BẢNG GIÁ VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ
(Áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ	Nhà cung cấp	Đơn giá	Thành tiền (đã bao gồm thuế) (cột 4x7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng (Không kết chuyển giá trị tại bảng này sang bảng tổng hợp giá dự thầu)							

Ghi chú:

- Cột (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền.
- Tổng chi phí của các vật tư, phụ tùng thay thế nêu trên sẽ được cộng vào giá dự thầu của nhà thầu để phục vụ việc so sánh E-HSDT, xếp hạng nhà thầu và là cơ sở để Chủ đầu tư mua sắm trong quá trình thực hiện hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế theo đúng cam kết với giá không vượt giá đề xuất tại Bảng này trong quá trình thực hiện hợp đồng.

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên		Hàng hóa của cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực	Hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP mà sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 06 năm gần đây	Kê khai chi phí trong nước	
			Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%	Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước trên 50%			Theo Mẫu 15B	Theo Mẫu 15C
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hàng hoá thứ 2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	...							
n	Hàng hoá thứ n		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

Cột (1), (2): Nhà thầu tự điền thông tin trích xuất từ Mẫu số 12.1 hoặc Mẫu số 12.2.

Cột (3), (4), (5), (6): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa. (Trường hợp nhà thầu tích chọn vào cột (3) hoặc (4) thì Hệ thống cho phép nhà thầu chọn cột (5), (6), (7), (8)).

Cột (7), (8): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu số 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc Mẫu số 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI
(Trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^*=(I)-(II)-(III)$	$D(\%)=G^*/G$ Trong đó $G=(I)-(II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hoá thứ 1					
2	Hàng hoá thứ 2					
...	...					
n	Hàng hoá thứ n					

Ghi chú:

Cột (1): Nhà thầu tự điền các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (7) của Mẫu số 15A.

Cột (2): Nhà thầu tự điền đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Cột (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.

Cột (5), (6): Nhà thầu tự tính.

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

(Trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Nhà thầu là nhà thương mại		Nhà thầu là nhà sản xuất	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	
		Giá chào của hàng hóa (I)	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾ (II)			Nhà thầu là nhà thương mại	Nhà thầu là nhà sản xuất
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hoá thứ 1						
2	Hàng hoá thứ 2						
...	...						
n	Hàng hoá thứ n						

Ghi chú:

(1): Nhà thầu tự điền các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (8) của Mẫu số 15A.

Trường hợp nhà thầu là nhà thương mại, Nhà thầu tự điền giá chào của hàng hóa, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước và giá trị thuế các loại

Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất, Nhà thầu tự điền giá xuất xưởng, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

1.1.1. Về dự án:

- Tên dự án: **“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2).**
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông FPT.
- Nguồn vốn: Vốn vay ngân hàng/Vốn đầu tư phát triển kinh doanh.
- Địa điểm thực hiện dự án: Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mục tiêu, quy mô đầu tư:
 - + Triển khai lắp đặt thiết bị hạ tầng tại Tầng 4 của Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9 theo tiêu chuẩn Tier 3;
 - + Số tủ rack dự kiến: 700 tủ rack.

1.1.2. Về gói thầu:

- Tên gói thầu: **Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn.**
- Nguồn vốn: Vốn vay ngân hàng/Vốn đầu tư phát triển kinh doanh.
- Địa điểm thực hiện gói thầu: Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9 - Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I/2026.
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, Tết), kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư đã bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu.

1.1.3. Phạm vi công việc:

Trong Giai đoạn 2 của dự án, phạm vi gói thầu này bao gồm:

1.1.3.1. Nhà thầu cung cấp hàng hóa, vật tư:

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Mô tả
1	Tủ Rack 1200x600x42U - Khung tủ tải trọng tĩnh ≥ 1.200 kg	Bộ	334,00	Chi tiết theo BOQ, YCKT

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Mô tả
	<ul style="list-style-type: none"> - Cánh tủ độ mở ≥ 120 độ, lỗ thông gió đạt $\geq 70\%$ diện tích cánh cửa tủ - Bao gồm công tác hành trình - Bao gồm nhân công triển khai lắp đặt 			
2	Tủ Rack 1200x800x42U <ul style="list-style-type: none"> - Khung tủ tải trọng tĩnh ≥ 1.200 kg - Cánh tủ độ mở ≥ 120 độ, lỗ thông gió đạt $\geq 70\%$ diện tích cánh cửa tủ - Bao gồm công tác hành trình - Bao gồm nhân công triển khai lắp đặt 	Bộ	12,00	Chi tiết theo BOQ, YCKT
3	Tủ Rack 1200x600x42U <ul style="list-style-type: none"> - Khung tủ tải trọng tĩnh ≥ 1.200 kg - Cánh tủ độ mở ≥ 120 độ, lỗ thông gió đạt $\geq 70\%$ diện tích cánh cửa tủ - Bao gồm công tác hành trình - Bao gồm nhân công triển khai lắp đặt 	Bộ	350,00	Chi tiết theo BOQ, YCKT
4	Thanh nguồn PDU 32A 1P, C13 + C19, basic <ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ quá tải đầu vào công suất 32A - Dạng module theo chuẩn IEC-60320-C13 và IEC-60320-C19 được ghép thành dãy thẳng hàng. Tất cả các ổ cắm C13, C19 đều có khóa phích cắm đảm bảo kết nối an toàn và tránh ngắt kết nối ngẫu nhiên. - Dòng đầu ra cực đại với ổ cắm chuẩn IEC60320-C13: $\geq 10A-250VAC$ - Dòng đầu ra cực đại với ổ cắm chuẩn IEC60320-C19: $\geq 16A-250VAC$ - Bao gồm nhân công triển khai lắp đặt 	Bộ	1.392,00	Chi tiết theo BOQ, YCKT

1.1.3.2. Nhà thầu cung cấp dịch vụ:

- Cung cấp, thi công lắp đặt hoàn thiện hệ thống tủ rack, thanh nguồn theo đúng yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật và hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

- Thực hiện đưa hệ thống tủ rack vào vị trí lắp đặt trên mặt bằng bố trí theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Nhà thầu khảo sát hiện trạng, kiểm tra trực tiếp tại công trình các điều kiện về thi công lắp đặt: mặt bằng, kích thước, không gian kỹ thuật vị trí lắp đặt; các lỗ mở xuyên tầng, xuyên tường;... và các tiện ích khác tại công trường phục vụ cho quá trình chuẩn bị E-HSMT cũng như thi công, lắp đặt.
- Phối hợp với các Nhà thầu và các đơn vị khác có liên quan trong quá trình triển khai thi công gói thầu.
- Thực hiện công tác bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng, chống cháy nổ trong suốt quá trình thi công.
- Thực hiện giám định, kiểm định, thử nghiệm, thí nghiệm; kiểm tra chạy thử (thử tải); nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng... để đưa toàn bộ hệ thống vào vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và an toàn.
- Bảo hành, bảo trì miễn phí **≥ 12 tháng**, kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng đối với toàn bộ hệ thống vật tư, thiết bị do nhà thầu cung cấp và thi công lắp đặt. Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng trong thời gian bảo hành.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

1.2.1. Yêu cầu chung về hàng hóa thuộc gói thầu:

- Toàn bộ hàng hóa cung cấp cho gói thầu phải đảm bảo là hàng mới 100%, được sản xuất từ năm **2025** trở về sau, phải đảm bảo về chất lượng, không lỗi kỹ thuật, không có bất kỳ khiếm khuyết và dấu hiệu hư hỏng, phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và hợp pháp. Nhà thầu phải đảm bảo tính trung thực, chính xác về các thông tin đối với hàng hóa do mình cung cấp. Bên mời thầu sẽ khước từ tất cả các sản phẩm, hàng hóa, thiết bị do Nhà thầu cung cấp mà không có nguồn gốc rõ ràng, không đảm bảo chất lượng hoặc vi phạm các quy định, chính sách có liên quan do Nhà nước ban hành.
- Nhà thầu phải cam kết bảo hành, cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và toàn bộ các chi phí kiểm nghiệm, thí nghiệm, nghiệm thu và phải nhận lại hàng hóa khi bị phát hiện hàng hóa không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT.
- Nhà thầu cung cấp **Bảng tuyên bố đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật** để chứng minh tính đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa theo mẫu sau:

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT							
STT	Yêu cầu của E-HSMT			Nhà thầu chào			Ghi chú
	Chỉ tiêu kỹ thuật vật tư, thiết bị	Thông số kỹ thuật/ Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Thông số kỹ thuật/ Nội dung	Tuyên bố đáp ứng	Tài liệu tham chiếu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG CÁC CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

STT	Yêu cầu của E-HSMT			Nhà thầu chào			Ghi chú
	Chỉ tiêu kỹ thuật vật tư, thiết bị	Thông số kỹ thuật/ Nội dung yêu cầu	Yêu cầu	Thông số kỹ thuật/ Nội dung	Tuyên bố đáp ứng	Tài liệu tham chiếu	
I
1
...
II
1
...

Trong đó:

- **Cột (2), (3), (4):** Tham chiếu các nội dung yêu cầu tại *Phụ lục 01. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị, vật tư* đính kèm E-HSMT.
- **Cột (5):** Nhà thầu chào/đề xuất tương ứng với nội dung được nêu tại cột (2), (3), (4).

Nhà thầu phải chỉ rõ thông số kỹ thuật, nội dung đáp ứng của vật tư thiết bị chào thầu. Đặc biệt, Nhà thầu không được chào nhiều thương hiệu, nhiều ký mã hiệu hoặc nhiều xuất xứ cho vật tư, thiết bị cung cấp cho gói thầu và không được ghi “*hoặc tương đương*”.

- **Cột (6):** Nhà thầu ghi rõ “*Đáp ứng*” hoặc “*Không đáp ứng*”.
 - **Cột (7):** Nhà thầu nêu rõ, trích dẫn tài liệu tham chiếu, vị trí tham chiếu (chương, mục, trang, dòng...).
 - **Cột (8):** Các thông tin liên quan khác (nếu có).
- Nhà thầu phải xuất trình đầy đủ cho Chủ đầu tư đầy đủ các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa cụ thể:
- Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, của đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương cấp/ủy quyền cho nhà thầu nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam.
 - Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy đối với các vật tư, thiết bị cung cấp cho gói thầu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành hoặc các tài liệu tương đương khác (nếu có).
 - Đầy đủ các catalogue, tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa, thư xác nhận... nêu rõ

các thông số kỹ thuật, đồng bộ và phù hợp với thông số dự thầu do nhà sản xuất/đại diện hợp pháp của nhà sản xuất phát hành. Trường hợp Nhà thầu cung cấp không đủ hoặc thiếu catalogue, các tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa, thư xác nhận... Bên mời thầu có quyền yêu cầu Nhà thầu bổ sung nếu cần thiết.

- Văn bản cam kết cung cấp các thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện thay thế khi cần thay thế trong thời gian sử dụng dự kiến của hàng hóa là **10 năm**.
- Các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của hàng hóa chào thầu:

➤ Đối với hàng hóa nhập khẩu:

- + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O): Giấy chứng nhận xuất xứ C/O phải được phát hành bởi cơ quan có thẩm quyền của nước nơi sản xuất (bao gồm chế tạo và lắp ráp) ra toàn bộ hàng hóa. C/O phải đảm bảo giá trị pháp lý khi được sử dụng tại Việt Nam;
- + Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) của hàng hóa;
- + Vận đơn của hàng hóa (Bill of Lading, Airway Bill);
- + Phiếu đóng gói chi tiết của hàng hóa (Packing List);
- + Biên bản thí nghiệm xuất xưởng của hàng hóa (Test Report);
- + Giấy chứng nhận bảo hành của nhà sản xuất/đại diện kinh doanh hợp pháp của nhà sản xuất tại Việt Nam.

➤ Đối với hàng hóa trong nước:

- + Phiếu kiểm tra hàng hóa trước khi xuất xưởng hoặc chứng nhận chất lượng của đơn vị sản xuất hoặc các kết quả thí nghiệm trước khi xuất xưởng (nếu có);
- + Phiếu xuất kho;
- + Biên bản hoặc phiếu giao hàng hóa;
- + Các chứng từ khác theo quy định.

Các tài liệu, chứng từ Nhà thầu phải đệ trình Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát trước khi đưa vào lắp đặt cho công trình. Hàng hóa đến công trình mà không có đầy đủ các tài liệu, chứng từ hợp lệ nói trên thì sẽ không được đưa vào sử dụng cho công trình, nhà thầu phải vận chuyển ra khỏi công trình ngay khi có yêu cầu từ Chủ đầu tư và hoàn toàn chịu trách nhiệm do các thiệt hại mà mình gây ra.

➤ Đối với các vật tư, thiết bị sử dụng cho gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh theo các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy (“PCCC”):

- + Giấy chứng nhận kiểm định về PCCC của phương tiện PCCC (đối

với các vật tư, thiết bị thuộc diện phương tiện PCCC là hàng hóa đang lưu thông trên thị trường);

- + Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đối với mẫu kết cấu, cấu kiện được sử dụng để làm mẫu sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa (đối với các vật tư, thiết bị thuộc diện phương tiện PCCC do Nhà thầu/nhà sản xuất chế tạo cho công trình theo yêu cầu của thiết kế: cấu kiện ngăn cháy, các kết cấu được bọc bảo vệ bằng các chất hoặc vật liệu chống cháy...). Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng của hàng hóa tương ứng với mẫu đã được kiểm định và cấp chứng nhận kiểm định PCCC. Các sản phẩm, hàng hóa đã được kiểm định mẫu kết cấu, cấu kiện ngăn cháy nhà thầu chịu trách nhiệm về việc hàng hóa được ghi nhãn đầy đủ, thể hiện rõ các thông tin về nhà sản xuất; ký mã hiệu; năm sản xuất; giới hạn chịu lửa; số chứng nhận kiểm định... theo quy định của pháp luật về PCCC.
- Nhà thầu phải đảm bảo vật tư, thiết bị do mình cung cấp cho gói thầu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và quy định về PCCC hiện hành, đảm bảo các chứng từ, tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu về PCCC sau này của Chủ đầu tư.
- Các tài liệu, chứng từ nhà thầu phải đệ trình Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát trước khi đưa vào lắp đặt cho công trình. Hàng hóa đến công trình mà không có đầy đủ các tài liệu, chứng từ hợp lệ nói trên thì sẽ không được đưa vào sử dụng cho công trình, Nhà thầu phải vận chuyển ra khỏi công trình ngay khi có yêu cầu từ Chủ đầu tư và hoàn toàn chịu trách nhiệm do các thiệt hại mà mình gây ra.

1.2.2. Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật thiết bị và lắp đặt:

- Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra, rà soát Hồ sơ thiết kế, đồng thời đọc và nghiên cứu kỹ E-HSMT, các chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh thiết kế kỹ thuật hệ thống cơ điện, quy chuẩn kỹ thuật hệ thống điện, các yêu cầu đính kèm E-HSMT nhằm đảm bảo rằng nhà thầu nắm rõ phạm vi công việc của gói thầu, các yêu cầu về kỹ thuật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng... E-HSMT và toàn bộ các tài liệu đính kèm E-HSMT, Hồ sơ thiết kế sẽ bổ sung lẫn nhau, các yêu cầu/công việc được quy định trong các tài liệu mà chưa được thể hiện trên bản vẽ hoặc ngược lại thì Nhà thầu cũng phải thực hiện để đảm bảo sự hoàn thiện của hệ thống. Hồ sơ thiết kế bao gồm:
 - Phụ lục 01. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị, vật tư;
 - Phụ lục 02. Bản vẽ thiết kế kỹ thuật;
 - Phụ lục 03. Bảng khối lượng mời thầu (BOQ);
- Trường hợp phát hiện các sai khác, sự không phù hợp, chưa nhất quán trong các hệ thống bản vẽ thiết kế, Đặc tính/yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật, bảng khối lượng mời thầu (BOQ), quy chuẩn kỹ thuật hệ thống điện, E-HSMT... Nhà thầu cần gửi các

yêu cầu làm rõ cho Chủ đầu tư/Tư vấn để làm rõ các sai khác này và có đủ các thông tin hoàn thiện, lập E-HSDT cũng như lập hồ sơ bản vẽ triển khai (bản vẽ shopdrawing) và triển khai thi công, lắp đặt sau này.

- Trường hợp phát hiện các thông số kỹ thuật, các yêu cầu về vật tư, thiết bị do thiết kế quy định là chưa phù hợp với các quy định hiện hành, Nhà thầu có quyền thông báo, đề xuất xem xét gửi đến Chủ đầu tư/Tư vấn (Nhà thầu lưu ý phải gửi kèm các hồ sơ tài liệu dẫn chứng, chứng minh).
- Toàn bộ các vật tư, thiết bị cung cấp cho gói thầu phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về kỹ thuật được quy định cụ thể, chi tiết trong chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh thiết kế kỹ thuật hệ thống cơ điện, quy chuẩn kỹ thuật hệ thống điện, tuân thủ Hồ sơ thiết kế và đáp ứng các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại E-HSMT.
- Bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với vật liệu, vật tư, thiết bị cung cấp cho gói thầu dưới đây, chi tiết theo *Phụ lục 01. Yêu cầu kỹ thuật thiết bị, vật tư* đính kèm E-HSMT.

Bảng đánh giá yêu cầu kỹ thuật		
STT	Nội dung	Yêu cầu
A	HỆ THỐNG TỦ RACK	
I	Yêu cầu kỹ thuật thiết bị, vật tư	Đạt: Đạt tất cả các yêu cầu kỹ thuật Không đạt: Không đạt 01 trong các yêu cầu kỹ thuật
II	Yêu cầu bản vẽ kỹ thuật	Đạt: Trình bày đầy đủ theo các yêu cầu Không đạt: Không cung cấp tài liệu hoặc có tài liệu nhưng không đầy đủ theo yêu cầu
III	Yêu cầu giải pháp triển khai và lắp đặt	Đạt: Trình bày đầy đủ theo các yêu cầu Không đạt: Không cung cấp tài liệu hoặc có tài liệu nhưng không đầy đủ theo yêu cầu
IV	Yêu cầu khác	Đạt: Có đầy đủ cam kết thực hiện Không đạt: Không có cam kết thực hiện hoặc Có cam kết nhưng không đầy đủ
B	THANH NGUỒN PDU	
I	Yêu cầu kỹ thuật thiết bị	Đạt: Đạt tất cả các yêu cầu kỹ thuật Không đạt: Không đạt 01 trong các yêu cầu kỹ thuật

Bảng đánh giá yêu cầu kỹ thuật		
STT	Nội dung	Yêu cầu
II	Yêu cầu khác	Đạt: Có đầy đủ cam kết thực hiện Không đạt: Không có cam kết thực hiện hoặc Có cam kết nhưng không đầy đủ

1.2.3. Yêu cầu về hàng mẫu:

- Yêu cầu về hàng mẫu tủ rack:
 - + Số lượng: 01 tủ rack mẫu 600*1200*42U.
 - + Địa chỉ trình mẫu: Nhà thầu phải có mẫu tương tự tại kho hoặc tạo điều kiện cho Chủ đầu tư khảo sát, kiểm tra thực tế mẫu tương tự Nhà thầu đã triển khai dự án tại Việt Nam.
 - + Nhà thầu phải cung cấp kết quả kiểm định chất lượng đạt yêu cầu so với quy định của nhà sản xuất và tiêu chuẩn hiện hành theo pháp luật kèm theo trước khi tiến hành lắp đặt vào công trình. Tải trọng tĩnh ≥ 1.200 kg trong vòng 24 giờ.
- Yêu cầu về hàng mẫu thanh nguồn PDU:
 - + Số lượng: 02 thanh nguồn PDU A và B.
 - + Địa chỉ trình mẫu: Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9 - Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh.
 - + Nhà thầu phải cung cấp kết quả kiểm định chất lượng đạt yêu cầu so với quy định của nhà sản xuất và tiêu chuẩn hiện hành theo pháp luật kèm theo trước khi tiến hành lắp đặt vào công trình. Tải thực tế chạy trên thanh PDU 32A trong vòng 24 giờ.
- Thời gian trình mẫu: Hàng mẫu trình cho Bên mời thầu không muộn hơn 15 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu.
- Thông tin liên hệ: Dương Cao Trí - Số điện thoại: 0907.913.121 - Email: TriDC@fpt.com.

1.2.4. Thử nghiệm, vận hành:

- Trước khi tiến hành kiểm tra 15 ngày, cần gửi quy trình kiểm tra, danh sách công cụ, thiết bị, phương tiện được hiệu chuẩn và kiểm định để Chủ đầu tư phê duyệt.
- Nhân sự thực hiện: Kỹ sư của hãng giám sát, kỹ thuật nhà thầu thực hiện thao tác.
- Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu bổ sung hạng mục kiểm định để chứng minh chất lượng sản phẩm, hàng hóa Nhà thầu có trách nhiệm thực hiện. Tất cả chi phí liên quan sẽ do Nhà thầu tự chi trả.

1.2.5. Đào tạo, chuyển giao công nghệ:

1.2.5.1. Đào tạo:

- Tài liệu đào tạo, hướng dẫn vận hành: Cung cấp đầy đủ, là tài liệu chính hãng hoặc biên soạn từ những tài liệu gốc của các hãng.
- Nhân sự đào tạo: Chuyên gia, Cán bộ kỹ thuật của nhà sản xuất/đại diện hợp pháp của nhà sản xuất tại Việt Nam/đơn vị được chính nhà sản xuất ủy quyền đào tạo.
- Kết quả cần đạt sau đào tạo: Sau quá trình đào tạo và chuyển giao công nghệ thì toàn bộ các nhân sự tiếp nhận hệ thống của Chủ đầu tư có thể độc lập vận hành, giám sát, triển khai bảo trì bảo dưỡng hệ thống, nhận biết được những sự cố và biết cách phản ứng để xử lý một cách nhanh chóng, hiệu quả.

1.2.5.2. Chuyển giao công nghệ:

Nhà thầu cam kết chuyển giao toàn bộ công nghệ có trong dự án, tài liệu kỹ thuật thiết bị, hướng dẫn lắp đặt, vận hành, bảo trì hệ thống, bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công, báo cáo kết quả kiểm thử, báo cáo giám sát, kiểm tra, chạy thử sau lắp đặt.

1.2.6. Bảo hành, bảo trì:

1.2.6.1. Văn phòng đại diện và Trung tâm bảo hành:

Yêu cầu bắt buộc đối với Hãng/Nhà sản xuất tủ rack, thanh nguồn PDU: Phải có Văn phòng đại diện và Trung tâm bảo hành chính hãng tại Việt Nam.

1.2.6.2. Cam kết chất lượng dịch vụ:

Nội dung	Cam kết
Thời gian hỗ trợ	24/7
Kênh nhận yêu cầu	Hotline, Email
Thời gian có mặt tại hiện trường	≤ 12 giờ
Khắc phục sự cố không cần thay thế phụ tùng	≤ 24 giờ
Thời gian thay thế phụ tùng	≤ 48 giờ
Lưu kho	Phụ tùng sẵn có tại Việt Nam

1.2.6.3. Quy trình tiếp nhận:

- Nhà thầu đưa ra quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin.
- Trong thời gian bảo hành hệ thống, Nhà thầu cần cung cấp đầu mối kỹ thuật viên hỗ trợ trực tiếp (tên, số điện thoại, email), số điện thoại hotline sẵn sàng 24/7 để Chủ đầu tư có thể liên hệ, yêu cầu hỗ trợ bất kỳ lúc nào trong thời gian bảo hành.

1.2.6.4. Bảo hành, bảo trì:

- Thời gian bảo hành tùy theo từng thiết bị cụ thể bao gồm cả thiết bị chính và phụ kiện được cung cấp bởi Nhà thầu theo quy định bảo hành của nhà sản xuất đưa ra, tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bảo giao hệ thống và đưa vào sử dụng.
- Yêu cầu với thiết bị, phụ tùng phải thay thế trong thời gian bảo hành: Nhà thầu cam kết mở rộng 01 năm từ thời điểm hoàn thành thay thế, hoặc thời gian bảo hành hệ thống, tùy theo điều kiện nào đến sau.
- Phụ tùng cần lưu trữ sẵn có tại kho Việt Nam.
- Phải có Trung tâm bảo hành hoặc đối tác của Nhà thầu có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, đảm bảo thời gian di chuyển/ thực hiện nghĩa vụ bảo hành tại Dự án ở địa chỉ Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh theo đúng yêu cầu tại Mục 1.2.4.2. Cam kết chất lượng dịch vụ.
- Kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng hệ thống định kỳ ít nhất 06 tháng 01 lần, trong thời gian bảo hành với các nội dung tối thiểu:
 - Kiểm tra, cân chỉnh lại các kết nối bị chuyển dịch sai lệch so với ban đầu.
 - Thay thế, sửa chữa các ổ khóa cửa tủ rack bị hỏng, lỗi.
- Thay thế, sửa chữa các thiết bị báo động, mở; cửa bị hỏng, lỗi.

1.3. Các yêu cầu khác:

1.3.1. Các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn áp dụng cho công trình:

- Gói thầu phải được thực hiện theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh thiết kế kỹ thuật hệ thống cơ điện, quy chuẩn kỹ thuật hệ thống điện và tuân thủ Hồ sơ thiết kế được đính kèm theo E-HSMT, các tài liệu vừa nêu là cơ sở để nhà thầu phát triển, triển khai các bản vẽ chi tiết, dựa vào đó để thực hiện việc cung cấp, chuyển giao, lắp đặt, thử nghiệm, vận hành chạy thử... nhằm đảm bảo hệ thống vật tư, thiết bị cung cấp cho gói thầu hoàn chỉnh theo yêu cầu, đáp ứng công tác vận hành liên tục, an toàn và có hiệu quả.
- Nhà thầu phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về thi công, nghiệm thu, an toàn, kiểm soát chất lượng hiện hành có liên quan từ khi bắt đầu triển khai cho đến khi công trình được nghiệm thu và đưa vào sử dụng.
- Các công việc của gói thầu phải phù hợp với yêu cầu của các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn áp dụng cho công trình bao gồm nhưng không giới hạn các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn được nêu cụ thể trong cái tài liệu kèm theo E-HSMT. Nếu có sự khác nhau giữa các tiêu chuẩn (tức các tài liệu đính kèm E-HSMT này yêu cầu so với các tiêu chuẩn cao hơn hay khác với các tiêu chuẩn tương ứng thì tiêu chuẩn được nêu trong E-HSMT, trong các chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh thiết kế kỹ thuật hệ thống cơ điện, quy chuẩn kỹ thuật hệ thống điện và Hồ sơ thiết kế sẽ được áp dụng. Trong mọi trường hợp, các yêu cầu kỹ thuật có nêu hoặc chưa nêu trong E-HSMT, trong chỉ dẫn kỹ thuật, thuyết minh thiết kế kỹ thuật hệ thống cơ điện, quy chuẩn kỹ thuật hệ

thống điện và Hồ sơ thiết kế được đính kèm theo E-HSMT thì được hiểu là tuân theo các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn hiện hành.

- Trường hợp các vật tư, thiết bị sử dụng cho gói thầu mà E-HSMT chưa nêu các quy trình, quy phạm và tiêu chuẩn áp dụng, trước khi đưa vào sử dụng cho công trình, Nhà thầu phải chứng minh bằng các chứng chỉ thử nghiệm, chứng chỉ nguồn gốc, tài liệu từ nhà sản xuất: catalogue..., cam kết của nhà thầu về việc vật tư thiết bị đáp ứng/đạt tiêu chuẩn Việt Nam hoặc các tiêu chuẩn tương đương.

1.3.2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát và chất lượng:

1.3.2.1. Công trường:

- Công trường thi công tọa lạc tại địa chỉ Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh. Do đó, các hoạt động liên quan đến việc vận chuyển vật liệu, vật tư, thiết bị đến công trường Nhà thầu phải tiến hành xin phép cơ quan quản lý tại Khu Công nghệ Cao TP. Hồ Chí Minh (Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh) và các cơ quan hữu quan khác có liên quan.
- Nhà thầu phải tiến hành khảo sát, tham quan công trường và tìm hiểu, làm quen với hiện trạng, nắm bắt các lối ra vào; các công trình hiện hữu; không gian sẵn có, điều kiện phương tiện thi công ra vào... để đánh giá, tính toán, bố trí bãi tập kết/cát giữ vật liệu, vật tư, thiết bị, vị trí bốc dỡ hàng hóa, vị trí lắp dựng lán trại nếu cần... Nhà thầu phải biết và nắm được các thông tin liên quan đến nguồn nước, nguồn điện, cũng như các loại vật liệu, vật tư cần thiết cho việc thi công sau này.
- Nhà thầu cần khảo sát thực tế và đưa ra các đề xuất phương án thiết lập văn phòng, kho tạm, phương án bố trí thiết bị và kế hoạch thi công các hạng mục phù hợp.
 - Đầu mối liên hệ: Phạm Văn Tám - Số điện thoại: 0912.429.939 - Email: TamPV@fpt.com;
 - Thời gian khảo sát hiện trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát hành E-HSMT. Sau thời trên, nếu Nhà thầu không liên hệ khảo sát, thì được hiểu là không có nhu cầu khảo sát thực tế và Nhà thầu chịu trách nhiệm toàn bộ về các phương án, biện pháp triển khai sau này.
- Nhà thầu cần tiến hành khảo sát các loại công trình ngầm: điện, nước, cáp quang, cống bể hiện hữu... có thể bị hư hỏng do công tác thi công gây ra.
- Nhà thầu phải thiết kế và lập bản vẽ bố trí tổng mặt bằng thi công đệ trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công. Nhà thầu phải thể hiện được đề xuất về không gian, vị trí của các công trình tạm được bố trí chung trên bản vẽ tổng mặt bằng thi công. Nhà thầu phải tuân thủ tuyệt đối theo sắp xếp, bố trí tổng mặt bằng đã được các Bên chấp thuận và phê duyệt.
- Nhà thầu tự cung cấp và triển khai các công trình tạm: kho, sân bãi tập kết/cát giữ vật tư, thiết bị; lán trại (nếu có)... tạm thời trên công trường để phục vụ thi công hoặc có

thể tự thuê nơi khác làm kho, bãi tập kết/cất giữ vật tư, thiết bị. Nhà thầu có trách nhiệm hoàn tất tháo dỡ toàn bộ lán trại, bãi đỗ,... nếu Chủ đầu tư có yêu cầu giải quyết các vấn đề liên quan khi hoàn tất thi công, hoàn trả mặt bằng và rời khỏi công trường.

- Bất kỳ khiếu nại/đề nghị thanh toán bổ sung, phát sinh của nhà thầu do Nhà thầu không thu thập thông tin hoặc không tuân thủ các hướng dẫn nêu trên sẽ không được giải quyết.

1.3.2.2. Điện, nước thi công:

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp trạm biến áp tạm và tủ phân phối. Nhà thầu phải cung cấp tủ điện tạm thi công của nhà thầu và bảo dưỡng toàn bộ các đầu nối, tủ điện, dây cáp và dây điện tạm, và sẽ sắp xếp tháo dỡ khi hoàn tất việc thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Nhà thầu phải chi trả chi phí sử dụng điện do mình sử dụng và phải cung cấp máy phát điện dự phòng có công suất phù hợp trong trường hợp bị mất điện (bao gồm toàn bộ chi phí cho việc chạy máy, nhiên liệu, vận chuyển...). Tất cả công việc cung cấp điện tạm thời phải được tiến hành an toàn, chuyên nghiệp và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư và các cấp thẩm quyền có liên quan.
- Chủ đầu tư sẽ cung cấp nguồn nước và đồng hồ nước tại công trường. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm phân phối nước mà Nhà thầu sử dụng tại công trường từ điểm nối và cung cấp hệ thống ống dẫn cấp nước tạm thời cần thiết... mà Nhà thầu có thể thay đổi theo từng thời điểm khi được yêu cầu, tháo dỡ khi hoàn thành và dọn dẹp sạch sẽ. Nhà thầu phải trả tiền sử dụng nước do mình sử dụng. Trong trường hợp bị mất nước, Nhà thầu phải tự cung cấp nguồn nước thay thế cho đến khi nguồn nước chính được khôi phục lại nhằm đảm bảo công tác thi công.

1.3.2.3. Bảo vệ tài sản và các công trình lân cận:

- Nhà thầu có nhiệm vụ bảo vệ tất cả đường đi lối lại, vật tư, thiết bị, máy móc, kết cấu công trình hiện hữu... và đảm bảo giao thông không bị tắc nghẽn trong quá trình thi công.
- Trong toàn bộ quá trình thi công công trình, nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước Chủ đầu tư và trước pháp luật trong việc làm hư hỏng công trình, dịch vụ, đường xá, hàng rào, đường ống, cảnh quan, cây xanh... trong công trường và các công trình, khu vực lân cận cũng như nhà thầu phải đền bù thỏa đáng những thiệt hại do mình gây ra.
- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ việc khảo sát hiện trạng, xác định toàn bộ các kích thước, cao độ của toàn bộ công trình hiện hữu và lân cận trước khi bắt đầu thi công công trình.
- Nhà thầu phải có trách nhiệm với bất cứ sự can thiệp, hư hỏng hoặc di dời phát sinh đối với tài sản của Chủ đầu tư hoặc tài sản công cộng như nước, điện, cáp viễn thông,

đường ống cấp thoát nước,... do hoạt động của nhà thầu thì nhà thầu phải bồi thường hậu quả và chi phí cho việc khôi phục, sửa chữa.

- Nhà thầu phải tự tổ chức phương án bảo quản, cất giữ, kiểm soát vật liệu, vật tư, thiết bị, máy móc trên công trường.
- Nhà thầu không được cho phép bất cứ người lạ mặt nào vào bên trong công trường và người quản lý công trường phải nghiêm khắc thực hiện tốt việc đó. Tất cả nhân viên của nhà thầu phải được cung cấp thẻ ra vào công trường và bắt buộc phải đeo thẻ tại mọi thời điểm làm việc trong công trường.

1.3.2.4. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm huy động nhân sự chủ chốt theo đúng cam kết trong E-HSDT và phải chuẩn bị đủ lực lượng nhân viên theo yêu cầu của công trình để đảm bảo thi công chính xác và trôi chảy, hoàn thành công trình đúng tiến độ. Cán bộ chủ chốt và nhân viên của Nhà thầu phải là những người có trình độ chuyên môn và có kinh nghiệm trong các lĩnh vực mà họ phụ trách. Bất kỳ sự thay đổi nhân sự chủ chốt nào của Nhà thầu đều phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải chủ động xây dựng các biện pháp tổ chức, huy động nhân lực phù hợp với công việc và tiến độ thực hiện Hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ không chấp nhận việc dừng thi công với lý do Nhà thầu không đủ nhân công thực hiện.
- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các máy móc thiết bị chuyên dùng, các thiết bị phục vụ công việc thi công hay tất cả mọi thứ cần thiết cho việc thực hiện đúng và hiệu quả thứ tự công việc bao gồm tất cả công cụ cần thiết, hệ thống nâng hạ, trang thiết bị,... Các thiết bị, máy móc phải đảm bảo tính năng kỹ thuật và công suất theo yêu cầu của thiết kế, phải có chất lượng tốt, được bảo trì, bảo dưỡng tốt và không có khuyết tật.
- Trường hợp, nếu nhân công sử dụng không đúng, không có tay nghề hoặc nếu trang thiết bị được dùng không phù hợp, Nhà thầu sẽ được yêu cầu thay thế nhân công/trang thiết bị hoặc phương pháp thi công. Nhà thầu sẽ không được phản đối lại Chủ đầu tư về việc tuân thủ theo yêu cầu hoặc chỉ thị của Chủ đầu tư trong trường hợp này.

1.3.2.5. Tổ chức kỹ thuật thi công:

- Nhà thầu tổ chức thi công theo đúng các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật thi công áp dụng.
- Nhà thầu phải thi công theo đúng kích thước trong bản vẽ đã được Chủ đầu tư phê duyệt và không được tự ý thay đổi kích thước từ bản vẽ trong bất cứ trường hợp nào. Kích thước có thể lấy từ thực tế công trình. Trong trường hợp, Nhà thầu cần bổ sung, điều chỉnh về mặt xây dựng hoặc thay đổi hiện trạng hiện hữu các vị trí trong phạm vi thi công gói thầu, nhà thầu cần đệ trình biện pháp thi công, bản vẽ thi công chi tiết

đề Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát xem xét phê duyệt. Trước khi bắt đầu thực hiện bất cứ hạng mục nào, mọi kích thước phải được kiểm tra trên thực tế và phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát.

- Khi phát hiện bất kỳ sự khác biệt nào xảy ra giữa bản vẽ trong hợp đồng và tiêu chuẩn kỹ thuật, Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức cho Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát để quyết định phương án xử lý, giải quyết.
- Trường hợp Nhà thầu bắt đầu thi công mà không cùng đại diện của Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát làm rõ mọi sự khác biệt, Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu phí tổn cho việc sửa chữa, khắc phục hay để thực hiện lại.
- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các công việc, đầy đủ khối lượng công trình/hạng mục công trình theo kế hoạch, tiến độ đã đăng ký, đạt chất lượng và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm lập quy trình thi công theo đúng yêu cầu kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng cho từng loại công việc của từng hạng mục công trình trong hợp đồng.
- Trường hợp cầu lắp vật tư, thiết bị lên tầng, Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ phương án tháo dỡ (quy trình các bước tháo dỡ, hướng tháo dỡ) hệ kết cấu mặt dựng (facade) do Chủ đầu tư đính kèm E-HSMT. Các vị trí cục bộ này đã được đơn vị tư vấn thiết kế, đơn vị thi công hệ mặt dựng (façade) tính toán và nghiên cứu giải pháp để có thể tháo lắp một cách linh động, dễ dàng. Nhà thầu có trách nhiệm lập biện pháp tổ chức thi công, tính toán và lựa chọn máy móc thiết bị nâng hạ phù hợp, triển khai thi công đúng kỹ thuật, đảm bảo an toàn và đặc biệt phải nhanh chóng hoàn trả lại hiện trạng ban đầu ngay sau khi đưa vật tư thiết bị vào vị trí lắp đặt. Công tác tái lập hệ kết cấu mặt dựng tại các vị trí nêu trên được xem là hoàn tất khi các Bên tiến hành kiểm tra và xác nhận các vị trí liên kết đã chắc chắn, các tấm facade bao che được lắp đầy và căn chỉnh, định vị đúng kỹ thuật, hài hòa trên tổng thể hệ mặt dựng công trình như ban đầu.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm đảm bảo toàn bộ các yêu cầu, quy định về phòng cháy chữa cháy đối với vật tư thiết bị, đối với phòng máy phát, khu vực lắp đặt hệ thống máy phát và các hệ thống, hạng mục thuộc phạm vi công việc do Nhà thầu thực hiện, cung cấp.

1.3.2.6. Tiến độ thi công:

- Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng nhanh nhất nhưng không quá 90 ngày.
- Nhà thầu đề xuất thời gian hoàn tất lắp đặt kể từ ngày hàng hóa về công trường nhưng không quá 30 ngày.
- Để đảm bảo tiến độ và việc thi công công trình đúng yêu cầu, Nhà thầu phải đệ trình một bảng tiến độ thi công chi tiết ngay sau khi ký hợp đồng trong đó chỉ rõ:

- Thể hiện chi tiết từng hạng mục công việc, chi tiết cho từng đầu việc;
 - Thời gian bắt đầu và kết thúc đối với từng công việc;
 - Thời gian khởi công và hoàn thành gói thầu;
 - Thời gian chuẩn bị và cung ứng vật tư, thiết bị máy móc thi công;
 - Thời gian làm việc của cán bộ, công nhân trên công trường;
 - Các biện pháp thi công công trình/hạng mục công trình tương ứng.
- Bảng tiến độ chi tiết sẽ được Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát dùng làm cơ sở đánh giá sự chậm trễ và các hậu quả do việc chậm tiến độ gây ra để ngăn ngừa việc thi công chậm tiến độ. Tổng thời gian trong bảng tiến độ sẽ tương đương với thời gian thực hiện được ghi trong hợp đồng.
 - Trong bảng tiến độ thi công chi tiết Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các thông tin cần thiết về sự phối hợp công việc giữa mình với các nhà thầu phụ, các nhà thầu thi công khác trên công trường. Cụ thể hơn, trong bảng tiến độ thi công chi tiết của mình, Nhà thầu phải chỉ rõ các công việc, hạng mục công việc được thực hiện bởi nhà thầu phụ, các nhà thầu thi công khác trên công trường để tránh việc chậm trễ tiến độ thực công việc.

1.3.2.7. Nhật ký công trình:

- Nhà thầu sẽ giữ nhật ký công trường theo mẫu chuẩn do Chủ đầu tư duyệt; trong đó ghi lại những thông tin cần thiết sau đây:
 - Thời tiết, khí hậu;
 - Số công nhân làm việc trên công trường của Nhà thầu và các thầu phụ của nhà thầu (nếu có);
 - Chung loại và số lượng vật liệu, vật tư, thiết bị cung cấp; sử dụng và lắp đặt trên công trường;
 - Các thiết bị trên công trường;
 - Trì hoãn/sự chậm trễ công việc của Nhà thầu và nhà thầu phụ;
 - Các chỉ dẫn/hướng dẫn của Chủ đầu tư, đơn vị Tư vấn giám sát và các yêu cầu phát sinh công việc;
 - Nhận và cập nhật/sửa đổi bản vẽ;
 - Các tai nạn hay sự cố đặc biệt.
- Một bản sao của nhật ký sẽ được trình cho Chủ đầu tư xem xét hàng ngày. Bản chính của Nhật ký sẽ là tài sản của Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm lưu giữ.

- Nhà thầu lưu ý trường hợp các bên phát hành các văn bản nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kỹ thuật trên công trường thì Nhà thầu phải có trách nhiệm lưu giữ và đính kèm cùng với nhật ký thi công.

1.3.2.8. Yêu cầu phê duyệt:

- Sau khi trúng thầu và ký kết hợp đồng thi công, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư phê duyệt các hồ sơ ban đầu trong vòng 15 ngày làm việc: Thành lập Ban chỉ huy công trường (sơ đồ tổ chức, phân công nhiệm vụ); hồ sơ năng lực Chỉ huy trưởng, danh sách cán bộ kỹ thuật và hồ sơ năng lực kèm theo; bảng tổng tiến độ chi tiết; bản vẽ bố trí tổng mặt bằng thi công; quy trình quản lý chất lượng của nhà thầu (kèm theo hệ thống biểu mẫu, nếu có). Tùy vào từng thời điểm, giai đoạn căn cứ theo tiến độ thi công gói thầu mà nhà thầu phải đệ trình Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát các hồ sơ yêu cầu phê duyệt nhà thầu phụ, nhà cung ứng, đơn vị thí nghiệm; phê duyệt chủng loại, xuất xứ vật liệu, vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình; phê duyệt biện pháp, phương án, quy trình thi công; phê duyệt kế hoạch thí nghiệm...
- Nhà thầu phải đệ trình mẫu vật liệu, vật tư theo đúng tiến độ, đúng chủng loại và đặc tính yêu cầu phù hợp (Nhà thầu có thể đề xuất thay thế vật liệu, vật tư hợp đồng bằng loại vật liệu, vật tư khác có chất lượng tương đương với sự chấp thuận của Chủ đầu tư). Các mẫu này được coi là chuẩn để nhà thầu căn cứ cung cấp khối lượng vật liệu, vật tư cho công trình. Đại diện Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát sẽ lưu giữ mẫu vật liệu, vật tư. Những vật liệu, vật tư không có chất lượng hay đặc tính phù hợp với mẫu được duyệt sẽ bị loại bỏ. Nhà thầu phải ghi nhãn diễn giải các vật liệu, vật tư của mình khi đệ trình.
- Nhà thầu phải gửi các yêu cầu phê duyệt theo biểu mẫu đã thống nhất tới đại diện Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát và các mẫu vật liệu, vật tư, biện pháp thi công... Các yêu cầu này phải kèm theo bản diễn giải; mẫu các vật liệu, vật tư; tên hãng sản xuất, xuất xứ sản xuất và các nội dung/chi tiết cần thiết khác...
- Nhà thầu không được tiến hành mua sắm các loại vật liệu, vật tư, thiết bị hoặc thi công công việc/hạng mục công việc nếu không được chấp thuận của Đơn vị Tư vấn giám sát, Chủ đầu tư và phải gửi bản sao các hồ sơ đã đặt hàng/mua sắm cho Chủ đầu tư kiểm tra.

1.3.2.9. Công tác thí nghiệm:

- Các vật liệu, vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình phải được kiểm tra trước khi xuất xưởng và nhà thầu có trách nhiệm đệ trình phiếu kiểm tra chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất, chứng tỏ rằng vật liệu, vật tư, thiết bị đã được kiểm tra dựa trên những tiêu chuẩn thích hợp hay chuẩn mực. Nhà thầu phải thực hiện công tác kiểm tra, thí nghiệm theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát. Nhà thầu sẽ chi trả toàn bộ chi phí liên quan đến việc kiểm tra, thí nghiệm được thực hiện bởi các cơ quan, đơn vị thí nghiệm, đồng thời chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu, vật tư, thiết bị cho việc kiểm tra, thí nghiệm.

- Các thí nghiệm sẽ được tiến hành trong thời gian thích hợp hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát trong thời điểm bất kỳ để đảm bảo vật liệu, vật tư, thiết bị có đặc tính kỹ thuật đúng tiêu chuẩn.
- Cơ quan, đơn vị thí nghiệm là những cơ quan, đơn vị đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm ứng với các chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn kỹ thuật được cho phép thực hiện. Các cơ quan, đơn vị thí nghiệm bắt buộc phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát. Mọi kết quả thí nghiệm đều phải có tính chất pháp lý về mặt kỹ thuật.
- Trách nhiệm của Nhà thầu đối với chất lượng công tác thí nghiệm:
 - Nhà thầu phải đảm bảo tiến độ thí nghiệm không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công và nghiệm thu các công việc/hạng mục công trình/công trình;
 - Trực tiếp giải quyết các vướng mắc trong quá trình thí nghiệm;
 - Chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí liên quan đến việc thí nghiệm, đồng thời chịu trách nhiệm vận chuyển, cung cấp vật liệu, vật tư, thiết bị cho việc thí nghiệm.

1.3.2.10. Bản vẽ thi công, bản vẽ hoàn công:

- Các bản vẽ thi công phải được lưu giữ và bảo quản trên công trường trong suốt thời gian thi công công trình với đầy đủ các lần phát hành. “Bản vẽ thi công” bao gồm bản vẽ theo Hợp đồng và các bản vẽ triển khai chi tiết do Nhà thầu phát hành và được Chủ đầu tư phê duyệt trên công trường trong thời gian thi công công trình.
- Nếu trong Hợp đồng, thuyết minh kỹ thuật và thực tế thi công đòi hỏi thì Nhà thầu phải chuẩn bị các bảng tính toán và các bản vẽ triển khai chi tiết đệ trình Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát kiểm tra, phê duyệt.
- Nhà thầu lưu ý bản vẽ triển khai của Nhà thầu phải chi tiết hóa tất cả các chi tiết thi công, lắp đặt, các phụ kiện... với đầy đủ các bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt tiết diện 2D và mô phỏng trực quan vật tư, thiết bị, phụ kiện và các chi tiết bằng bản vẽ 3D (nếu có).
- Nhà thầu phải chuẩn bị bản vẽ hoàn công cho tất cả các công việc thuộc Hợp đồng của mình. Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát bản chính bao gồm bản vẽ triển khai chi tiết và bản vẽ hoàn công. Các bản vẽ sẽ phải trình cho Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát phê duyệt trước khi phát hành chính thức có xác nhận hoàn thành công việc.

1.3.2.11. Giám sát thi công:

- Nhà thầu tự giám sát (nhân viên giám sát của Nhà thầu chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày) liên tục trong thời gian thực hiện hợp đồng để đảm bảo rằng tất cả khối lượng công việc được thực hiện một cách hoàn chỉnh, chất lượng, đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật.

- Nhà thầu phải chuẩn bị đủ lực lượng cán bộ nhân viên theo yêu cầu của công trình để đảm bảo thi công chính xác và trôi chảy, hoàn thành công trình đúng tiến độ. Nhân viên của nhà thầu phải là những người có trình độ chuyên môn và có kinh nghiệm trong các lĩnh vực mà họ phụ trách, đảm bảo làm việc liên tục tại hiện trường để giám sát, giải quyết các vấn đề có liên quan đến chất lượng và tay nghề. Nhà thầu sẽ đệ trình xin ý kiến chấp thuận của Chủ đầu tư danh sách nhân viên chủ yếu cho các công việc trước khi tiến hành thi công. Trường hợp, khi được Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát yêu cầu, Nhà thầu sẽ phải cung cấp nhân viên để hỗ trợ các đơn vị trong bất cứ công việc nào có liên quan đến Hợp đồng. Mọi thiết bị đo kiểm tại công trường, nhà thầu phải luôn sẵn sàng và được giữ trong điều kiện tốt cho việc sử dụng của Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát.
- Nhà thầu phải đảm bảo rằng Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát có thể liên hệ bất cứ lúc nào qua điện thoại trong thời gian tiến hành hợp đồng, bao gồm cả ban đêm và ngày nghỉ, để giải quyết các trường hợp khẩn cấp và các phát sinh trong công việc.
- Nhà thầu phải lên kế hoạch và bảng tiến độ chi tiết khối lượng công việc thực hiện trong từng tuần và trình nộp cho Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát. Mọi công tác mời nghiệm thu phải được thông báo tối thiểu trước 24 giờ cho các bên liên quan.
- Trong trường hợp cần thiết làm việc thêm giờ để hoàn thành công việc theo đúng tiến độ quy định trong hợp đồng hay bất kỳ lý do nào khác, nhà thầu phải thực hiện tất cả các chi phí cần thiết mà không được tính phát sinh. Nhà thầu phải thông báo trước và phải được sự cho phép của Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát cho việc làm thêm giờ.
- Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, xác định khối lượng và chất lượng các công việc do nhà thầu thực hiện đúng theo thiết kế và các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.
- Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát có quyền yêu cầu Nhà thầu sửa chữa, hoàn chỉnh các sai sót, tồn tại trong quá trình thi công. Các ý kiến của các cán bộ giám sát công trình đều phải được ghi nhận vào sổ nhật ký công trường của Nhà thầu. Nhà thầu phải nghiêm túc chấp hành và tổ chức sửa chữa ngay đảm bảo đúng thiết kế, đúng yêu cầu mà Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát đã thông báo xử lý.
- Trong một số trường hợp đặc biệt, nếu giữa Đơn vị Tư vấn giám sát và Nhà thầu có các ý kiến khác nhau, không thống nhất biện pháp thực hiện, giải quyết, Đơn vị Tư vấn giám sát và Nhà thầu phải báo cáo ngay cho Chủ đầu tư. Trong trường hợp này Chủ đầu tư sẽ đến ngay hiện trường để xem xét và giải quyết cụ thể.

1.3.2.12. Chế độ hội họp, báo cáo:

- Nhà thầu sẽ phải cử những người được ủy quyền ra các quyết định liên quan đến các công việc thường nhật của công trình tham dự các cuộc họp công trường thường kỳ. Các cuộc họp này được tổ chức dưới sự chủ tọa của Chủ đầu tư. Các quyết định đưa

ra trong các cuộc họp này sẽ được đính kèm và đưa vào trong các biên bản cuộc họp công trường do Chủ đầu tư chuẩn bị và các Bên liên quan sẽ ký xác nhận.

- Trong suốt thời gian thi công, hàng tuần, Nhà thầu phải báo cáo tiến độ thi công, nêu rõ tình hình thực hiện thật sự của tất cả các hạng mục công trình và kế hoạch tiến độ thực hiện công việc tuần tới. Đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất với Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát các biện pháp giải quyết và chuẩn bị cho công việc tiếp theo.
- Trong thời gian thi công, Chủ đầu tư sẽ tổ chức các buổi họp định kỳ hoặc đột xuất để giải quyết công việc, Nhà thầu phải tham dự các buổi họp với đầy đủ thành phần theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Các quyết định đưa ra trong các cuộc họp sẽ được đính kèm và đưa vào trong các biên bản cuộc họp công trường do Chủ đầu tư chuẩn bị và các bên tham gia sẽ ký xác nhận. Chủ đầu tư sẽ gửi bản sao tất cả các biên bản cuộc họp công trường tới các bên tham gia. Nhà thầu sẽ lưu bản sao của tất cả các biên bản cuộc họp công trường tại văn phòng công trường của Nhà thầu.
- Riêng với họp giao ban hàng tuần, Nhà thầu cần trình bày ngắn gọn và rõ ràng các nội dung chủ yếu sau:
 - Tình hình an ninh, an toàn lao động trên công trường;
 - Khối lượng đã thực hiện theo nguyên tắc: khối lượng lũy kế trên khối lượng tổng cộng;
 - Kế hoạch công việc cho tuần tới;
 - Các ý kiến đề xuất.

1.3.2.13. Quan hệ giữa các Bên trong quản lý chất lượng trên công trường:

- Nhà thầu: Đơn vị chịu trách nhiệm chính trong công việc tổ chức kiểm tra/nghiệm thu các công tác trung gian hoặc kiểm tra/nghiệm thu bàn giao hạng mục công trình/công trình. Khi cần kiểm tra/nghiệm thu nội dung nào, Nhà thầu phải báo trước cho đơn vị Tư vấn giám sát ít nhất là 24 giờ. Nhà thầu có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Chủ đầu tư và Đơn vị Tư vấn giám sát làm tốt công tác giám sát kỹ thuật và kiểm tra tiến độ trên công trường.
- Nhà thầu phải hợp tác với Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát trong vấn đề liên kết giữa Nhà thầu với các nhà thầu khác (nhà thầu phụ, các nhà thầu khác thi công trên công trường) để nắm bắt, ngăn cản sự cản trở, can thiệp hoặc xung đột bất thường nào trong quá trình thực hiện công việc ảnh hưởng đến tiến độ gói thầu và dự án.
- Đơn vị Tư vấn giám sát: Đơn vị được Chủ đầu tư lựa chọn để thực hiện việc giám sát kỹ thuật thi công trên công trường. Đơn vị Tư vấn giám sát có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng khối lượng, yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

- Chủ đầu tư: Đơn vị có ý kiến quyết định cuối cùng nếu có những bất đồng giữa Nhà thầu, Đơn vị Tư vấn giám sát, Đơn vị Tư vấn thiết kế cũng như là đơn vị sẽ đưa ra các quyết định về những vấn đề nằm ngoài hợp đồng và hồ sơ thiết kế.
- Các Bên phải có văn bản chính thức giới thiệu nhân sự có trách nhiệm và quyền hạn giải quyết các vấn đề trên công trường. Chỉ có những người trong danh sách được giới thiệu mới có quyền quyết định những vấn đề trong phạm vi của mình.
- Các ý kiến đề xuất, các đề nghị, yêu cầu của Nhà thầu đối với Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát và ngược lại, phải được thể hiện bằng văn bản và được lưu trữ trong hồ sơ thi công công trình.

1.3.2.14. Giấy phép:

Bên cạnh các giấy phép do Chủ đầu tư cung cấp có liên quan đến việc triển khai dự án, nhà thầu phải có được tất cả các giấy phép cần thiết do các cơ quan có thẩm quyền cấp để được phép thi công liên quan đến phạm vi công việc mà nhà thầu thực hiện theo yêu cầu của gói thầu. Nhà thầu phải thanh toán mọi chi phí và thuế, phí có liên quan. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cho việc kiểm tra định kỳ của các cơ quan có thẩm quyền khi cần thiết trong quá trình thi công.

1.3.2.15. Bảo hiểm:

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm mua bảo hiểm cho người lao động thi công trên công trường và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba.
- Thời hạn bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường bắt đầu kể từ ngày thực hiện công việc thi công trên công trường đến hết thời gian bảo hành công trình theo quy định pháp luật.
- Thời hạn bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba là khoảng thời gian cụ thể, tính từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc thời gian thi công căn cứ vào hợp đồng thi công và được ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

1.3.3. Yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ:

1.3.3.1. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Nhà thầu tuân thủ các quy định về an toàn lao động cho người và thiết bị đối với từng nội dung công việc trong suốt quá trình thi công, lắp đặt.
- Tất cả nhân viên của Nhà thầu phải được tập huấn về công tác an toàn lao động, phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, phải được kiểm tra và khám sức khỏe định kỳ theo quy định.
- Nhà thầu phải tổ chức hướng dẫn cách sử dụng các thiết bị bảo hộ lao động đó cho các bộ, công nhân lao động.

- Nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm đối với người lao động và thiết bị theo quy định của pháp luật hiện hành và phải chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn và hư hỏng nào xảy ra trên công trường do không đảm bảo an toàn lao động gây ra.
- Nhà thầu phải tuân thủ quy định về an toàn lao động theo tiêu chuẩn TCVN 5308:1991 - “Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng”, quy chuẩn QCVN 01-2020/BCT - “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện” và các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn lao động khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Nhà thầu tuyệt đối tuân thủ các quy tắc và quy định của cơ quan chức năng liên quan đến các điều kiện an toàn.
- Nhà thầu phải nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy tắc an toàn lao động chung trên công trường và tuân thủ các quy định của Chủ đầu tư ban hành.
- Người không có trách nhiệm tuyệt đối không được vào công trường. Chỉ huy trưởng (hoặc nhân sự được giao phụ trách) của nhà thầu có trách nhiệm quản lý việc ra vào của cán bộ nhân viên.
- Nhà thầu phải lắp đặt đầy đủ hàng rào bảo vệ, biển báo thi công và bố trí đèn cảnh báo và che chắn trong suốt quá trình thi công tại công trường.
- Nhà thầu phải chắc chắn rằng các thiết bị đã được lắp đặt hoàn chỉnh và các thiết bị cần thiết cho việc thi công công việc phải đang trong trạng thái phù hợp và được bảo dưỡng đầy đủ. Các công việc sửa chữa chỉ có thể được thực hiện khi thiết bị/máy móc đã dừng hẳn và ngắt điện.
- Những khu vực nguy hiểm do vật có thể rơi từ trên cao xuống phải được rào chắn và đặt biển cảnh báo.
- Các dây dẫn điện của các thiết bị điện phải được bọc kín bằng vật liệu cách điện và mắc ở độ cao đảm bảo an toàn và di chuyển của các phương tiện, đồng thời thuận tiện cho việc thao tác.
- Toàn bộ mạng điện trên công trường (đường dây điện, cầu dao, ổ cắm,...) phải đảm bảo tuyệt đối an toàn, thuận tiện cho người sử dụng. Các thiết bị điện phải có các cơ cấu che chắn và ký hiệu cảnh báo, an toàn điện.
- Rào chắn tạm thời để ngăn cách phần thiết bị có điện với nơi làm việc phải làm bằng vật liệu khô và chắc chắn như tre, gỗ, nhựa, tấm vật liệu cách điện... Rào chắn tạm thời phải được bố trí sao cho khi phát hiện nguy hiểm người làm việc có thể dễ dàng thoát hiểm.
- Có sơ đồ hệ thống điện thi công, điện chiếu sáng cho từng khu vực thi công phù hợp với tổng mặt bằng bố trí điện trên công trường. Phải đảm bảo ánh sáng đầy đủ tại vị trí làm việc và trên tuyến thi công vào ban đêm.
- Người lao động làm việc trên cao phải đeo đai an toàn và trang bị túi đựng dụng cụ, đồ nghề. Cấm vứt, ném các dụng cụ, đồ nghề từ trên cao xuống.

- Cấm uống rượu, sử dụng chất kích thích trước và trong quá trình làm việc.
- Tuyệt đối không thi công khi không đủ ánh sáng, trong điều kiện thời tiết mưa to, giông bão.
- Sau mỗi đợt mưa bão hoặc ngừng thi công nhiều ngày liền, nhà thầu phải kiểm tra lại các điều kiện an toàn trước khi thi công tiếp, nhất là những nơi nguy hiểm có khả năng xảy ra tai nạn.
- Trường hợp nhà thầu có ý định sử dụng bất kỳ loại vật liệu nguy hiểm hay phương án thi công đặc biệt nào thì trước hết nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư, đơn vị Tư vấn giám sát được biết và thực thi các biện pháp phòng ngừa cần thiết để đảm bảo an toàn cho con người và môi trường.

1.3.3.2. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Trong suốt quá trình thi công, nhà thầu phải giữ gìn khu vực làm việc sạch sẽ và bảo trì toàn công trường hàng ngày bao gồm tất cả các khu vực công cộng. Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Nhà thầu phải thường xuyên quán triệt, chia sẻ ý nghĩa, nội dung của việc giữ gìn, bảo vệ môi trường trong khu vực thi công đối với toàn thể cán bộ, công nhân viên tham gia thi công công trình.
- Nhà thầu phải hạn chế việc vứt bỏ rác hay ứ đọng rác, các vật liệu hư hỏng hay không sử dụng được nữa và các loại chai, lon hoặc bình chứa chất lỏng trong khu vực công trường. Nhà thầu không được để rác chất đống trên công trường và phải luôn luôn dọn dẹp sạch sẽ và gọn gàng công trường khi hoàn thành công việc mỗi ngày. Việc này là bắt buộc và nó được quy định bởi Chủ đầu tư để duy trì sự an toàn và gọn gàng trên công trường.
- Tuyệt đối không được chôn hoặc đốt rác thải tại công trường. Không được thải chất tẩy rửa vào hệ thống thoát nước.
- Cố gắng tối đa việc hạn chế các tiếng ồn của các phương tiện cơ giới để đảm bảo sinh hoạt chung của các cơ quan, xí nghiệp, đơn vị xung quanh. Các máy móc, thiết bị cơ giới phải được tập kết đúng nơi quy định, các loại dầu mỡ thải phải có biện pháp xử lý.
- Phải thu gom, đóng gói cẩn thận và loại bỏ tuân thủ quy định và các yêu cầu của chính quyền địa phương về thu gom di dời rác thải thi công của công trường.
- Tất cả các xe chở vật tư, vật liệu rời, chất thải ra vào công trình phải có bạt che phủ kín thùng xe. Nhà thầu phải xử lý bụi bẩn ô nhiễm công trường bằng việc thường xuyên tưới ẩm các khu vực thi công.
- Làm sạch và bảo dưỡng những công tác xây dựng đã hoàn thành theo chu kỳ cần thiết suốt thời gian còn lại của công tác thi công. Thi công xong đoạn nào, khu vực nào thì phải tổ chức vệ sinh sạch sẽ đoạn, khu vực đó và trả lại hiện trạng như cũ.

- Nhà thầu phải đảm bảo việc vệ sinh, dọn dẹp tất cả các hạng mục công việc trước khi nghiệm thu và bàn giao sau cùng cho Chủ đầu tư.

1.3.3.3. Yêu cầu về phòng chống cháy nổ:

- Nhà thầu phải áp dụng các biện pháp phòng cháy, chữa cháy tại công trường cho các công trình tạm, kho chứa và các khu vực khác có liên quan, đặc biệt đối với việc bảo quản an toàn cháy đối với các nguyên vật liệu và hàng hoá nguy hiểm hoặc dễ cháy nổ.
- Các nguyên liệu lỏng và dễ cháy phải bảo quản trong kho riêng theo đúng các quy định phòng chống cháy hiện hành.
- Nhà thầu phải tuân thủ đầy đủ các quy tắc, quy định và yêu cầu của chính quyền, cơ quan chức năng về phòng cháy chữa cháy; đồng thời cung cấp và duy trì sự ổn định và đảm bảo đầy đủ trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy cùng với lực lượng cán bộ được đào tạo cho công tác phòng cháy chữa cháy.
- Toàn bộ cán bộ công nhân trên công trường phải tích cực đề phòng không để sự cố cháy xảy ra, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện để khi cần chữa cháy kịp thời và có hiệu quả.
- Nhà thầu phải bố trí các bình cứu hỏa tại công trường, trên hoặc cận khu phục làm việc của thiết bị máy móc, trong kho chứa và các nơi có nguy cơ cháy nổ cao.
- Khu vực thi công, trên công trường bố trí các nội quy và các biển báo cấm lửa, cấm mang chất nổ vào công trường...
- Phải thận trọng trong việc sử dụng lửa, các nguồn nhiệt, hoá chất và các chất dễ cháy nổ, độc hại, phóng xạ, triệt để tuân thủ theo các quy định về phòng cháy chữa cháy. Việc sử dụng lửa chỉ được phép của Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát trong các khu vực đặc biệt. Với các công việc yêu cầu dùng lửa lộ thiên, nhà thầu phải thực thi các biện pháp phòng ngừa cần thiết.
- Cấm câu mắc, sử dụng điện tùy tiện, sau giờ làm việc phải kiểm tra lại các thiết bị tiêu thụ điện. Chú ý các thiết bị điện... trước khi ra về.
- Không để hàng hoá, vật tư, vật liệu áp sát vào thân đèn, dây cáp điện. Phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về kỹ thuật an toàn trong sử dụng điện. Vật tư, hàng hoá phải sắp xếp gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn phòng cháy chữa cháy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ, kiểm tra và cứu chữa khi cần thiết.
- Các hệ thống điện phải có các cơ cấu bao che, tránh tình trạng hở điện.
- Trên các lối đi lại, nhất là ở các lối thoát hiểm không để chướng ngại vật.
- Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm trong việc đảm bảo phòng cháy chữa cháy xuyên suốt toàn bộ quá trình thi công xây dựng công trình.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

Danh mục bản vẽ		
Bản vẽ số	Tên bản vẽ	Mục đích sử dụng
1	Layout Rack HCM02-2-Rev1	Mặt bằng bố trí lắp đặt
2	EARTHING AND LIGHTNING PROTECTION SYS	Hệ thống tiếp địa cho tủ Rack
3	TOP Rack - Rev2	Chi tiết phân bố cáp

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để tham gia thực hiện dịch vụ liên quan;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Hàng hóa” gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; sản phẩm; phương tiện; hàng tiêu dùng; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; phần mềm thương mại;</p> <p>1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT;</p> <p>1.12. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày Hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.</p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Tất cả các tài liệu quy định tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p>

	<p>b) E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</p> <p>c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) E-ĐKC của hợp đồng;</p> <p>đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;</p> <p>h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</p> <p>i) Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>2.3. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 của Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng;</p> <p>b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p>
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>Luật điều chỉnh Hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến Hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân</p>

	<p>hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>6. Ký hợp đồng thầu phụ</p>	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của Nhà thầu trong thực hiện Hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của Nhà thầu.</p> <p>6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.</p>
<p>7. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>8. Phạm vi cung cấp</p>	<p>Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương V.</p>
<p>9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn</p>	<p>Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 01A (đối với hợp đồng trọn</p>

thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	gói) hoặc Mẫu số 01B (đối với hợp đồng theo đơn giá) hoặc Mẫu số 01C (đối với hợp đồng hỗn hợp) và Mẫu số 01D Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT.
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 E-ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	11.1. Loại hợp đồng: Theo quy định tại E-ĐKCT. 11.2. Giá hợp đồng quy định tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.
12. Thuế, phí, lệ phí	12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư. 12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí. 12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT.
13. Tạm ứng	13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. 13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.
14. Thanh toán	14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Mục 9 E-ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong Hợp đồng. 14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. 14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.
15. Quyền tác giả	15.1. Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên

	<p>thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.</p> <p>15.2. Quyền khác theo quy định tại E-ĐKC.</p>
<p>16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt Hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo Hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến Hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. <p>16.4. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký Hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.</p> <p>16.5. Các quy định tại Mục 16 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt Hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>
<p>17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</p>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.</p>

<p>18. Đóng gói hàng hoá</p>	<p>18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong Hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.</p> <p>18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong Hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở E-ĐKCT và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.</p>
<p>19. Bảo hiểm</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại E-ĐKCT, hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại E-ĐKCT.</p>
<p>20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh</p>	<p>20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại E-ĐKCT:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa; b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa; c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa; d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này; đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa. <p>20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài Hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các Hợp đồng khác.</p>
<p>21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</p>	<p>21.1. Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra.</p>

21.2. Việc kiểm tra và thử nghiệm có thể được tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác ở địa điểm giao hàng, và/hoặc địa điểm dự án hoặc ở bất kỳ địa điểm nào khác theo quy định tại E-ĐKCT. Theo quy định tại Mục 21.3 E-ĐKC, trường hợp tiến hành tại cơ sở của Nhà thầu hoặc cơ sở khác thì cán bộ kiểm tra phải được cung cấp tất cả phương tiện và hỗ trợ cần thiết, kể cả việc tiếp cận bản vẽ và dữ liệu sản xuất; Chủ đầu tư không phải chịu bất kỳ chi phí nào cho các phương tiện và hỗ trợ này.

21.3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra quy định tại Mục 21.2 E-ĐKC, với điều kiện là Chủ đầu tư chịu tất cả các chi phí phát sinh liên quan đến việc tham dự, bao gồm cả chi phí đi lại, lưu trú.

21.4. Trước khi tiến hành kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm tra, thử nghiệm. Trường hợp phải được sự chấp thuận của bên thứ ba hoặc nhà sản xuất để Chủ đầu tư tham gia kiểm tra, thử nghiệm, Nhà thầu phải có văn bản đồng ý của các bên liên quan này.

21.5. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu tiến hành thử nghiệm, kiểm tra ngoài Hợp đồng nhưng cần thiết để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật, hiệu suất đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng, với điều kiện là các chi phí hợp lý để tiến hành thử nghiệm, kiểm tra đó được cộng thêm vào giá hợp đồng. Trường hợp thử nghiệm, kiểm tra làm chậm tiến độ sản xuất và/hoặc tiến độ thực hiện các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo Hợp đồng, Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan và các nghĩa vụ khác bị ảnh hưởng.

21.6. Nhà thầu phải gửi cho Chủ đầu tư báo cáo kết quả của tất cả các thử nghiệm, kiểm tra.

21.7. Chủ đầu tư có quyền từ chối bất kỳ hàng hóa, bộ phận hàng hóa nào không đáp ứng yêu cầu trong các buổi kiểm tra, thử nghiệm hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo Hợp đồng. Nhà thầu phải thay thế bằng hàng hóa, bộ phận hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo Hợp đồng và phải chịu tất cả chi phí liên quan đến việc thay thế hoặc điều chỉnh này. Sau đó Nhà thầu phải tiến hành kiểm tra, thử nghiệm lại và chịu tất cả chi phí phát sinh, đồng thời thông báo cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 21.4 E-ĐKC.

21.8. Việc Nhà thầu thực hiện thử nghiệm, kiểm tra hàng hóa, bộ phận hàng hóa, việc Chủ đầu tư hay đại diện của Chủ đầu tư tham dự các buổi thử nghiệm, kiểm tra, hay việc báo cáo kết quả thử nghiệm, kiểm tra theo quy định tại Mục 21.6 E-ĐKC, không miễn trừ cho Nhà thầu nghĩa

	vụ bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.
22. Phạt và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại E-ĐKCT .
23. Bảo hành	<p>23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.</p> <p>23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.</p> <p>23.3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại E-ĐKCT.</p> <p>23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.</p> <p>23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.</p> <p>23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại E-ĐKCT, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo Hợp đồng.</p>
24. Bồi thường vi phạm sáng chế	<p>24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 E-ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký Hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:</p> <p>a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;</p> <p>b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.</p> <p>Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong Hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ Hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản</p>

	<p>phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo Hợp đồng.</p> <p>24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.</p> <p>24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.</p> <p>24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.</p> <p>24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký Hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.</p>
<p>25. Thay đổi liên quan đến pháp lý</p>	<p>Trừ trường hợp có quy định khác tại Hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của Nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 E-ĐKC.</p>
<p>26. Bất khả kháng</p>	<p>26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt Hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay</p>

	<p>phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>26.3. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>27. Sửa đổi hợp đồng</p>	<p>27.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của Hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư; b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; c) Thay đổi địa điểm giao hàng; d) Thay đổi dịch vụ liên quan; đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC. <p>27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của Hợp đồng quy định tại Mục 27.1 E-ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng, giá hợp</p>

đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi Hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của Hợp đồng.

27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT và đáp ứng yêu cầu E-HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của Hợp đồng không thay đổi.

27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong Hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường.

27.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi Hợp đồng.

27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

- a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo Hợp đồng đã ký kết;
- b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;
- c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.

27.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa:

- a) Rút ngắn thời gian giao hàng;
- b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;
- c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong Hợp đồng;
- d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại **E-ĐKCT** đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm

	<p>tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p>28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 E-ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn Hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.</p> <p>28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 E-ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 E-ĐKC.</p>
<p>29. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>29.1. Chấm dứt Hợp đồng do sai phạm</p> <p>a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm Hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo Hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 E-ĐKC;</p> <p>(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo Hợp đồng;</p> <p>(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt.</p> <p>29.2. Chấm dứt Hợp đồng do mất khả năng thanh toán</p> <p>Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, Hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt Hợp</p>

	đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.
30. Hạn chế xuất khẩu	Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng với Nhà thầu.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG FPT; Địa chỉ: Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh; Mã số thuế: 0313870717; Số tài khoản: ____; Điện thoại: 028.7300.2222; Email: ThuNNM4@fpt.com.</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: ____ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Địa điểm dự án: Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9 (<i>Địa chỉ: Lô T2-5, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh</i>).</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, làm rõ E-HSMT; - E-HSDT và các tài liệu bổ sung, làm rõ E-HSDT của nhà thầu; - Biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; - Các Phụ lục Hợp đồng; - Các bảo lãnh: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh tạm ứng, Bảo lãnh bảo hành; - Bản vẽ kỹ thuật; - Các tài liệu liên quan khác phục vụ triển khai thi công, nghiệm thu, thanh - quyết toán công trình.
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: Nguyễn Ngọc Minh Thư - Ban Dự án; - Địa chỉ: Tòa nhà FPT Tân Thuận 2 - Lô 29B-31B-33B, Đường Tân Thuận, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh; - Điện thoại: 077.883.1297; - Địa chỉ email: ThuNNM4@fpt.com.
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 20% Giá trị Hợp đồng.

	<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng có hiệu lực cho đến khi hoàn thành nghiệm thu Công trình và bàn giao đưa vào sử dụng, Nhà thầu chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành cộng thêm 30 ngày (tạm tính là 150 ngày kể từ ngày phát hành). Trường hợp Nhà thầu chưa hoàn thành nghiệm thu Công trình và bàn giao đưa vào sử dụng, thì vào thời điểm 10 ngày trước ngày thư bảo lãnh hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tương ứng với thời gian dự kiến hoàn thành (mỗi lần gia hạn không ít hơn 30 ngày). Trường hợp Nhà thầu chưa gia hạn, Chủ đầu tư được quyền tạm ngừng thanh toán cho đến khi Nhà thầu gia hạn hoặc yêu cầu Ngân hàng chi trả toàn bộ giá trị bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu.
<p>E-ĐKC 5.4</p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng không chậm hơn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Nhà thầu sẽ không được hoàn trả Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> (i) Nhà thầu từ chối thực hiện Hợp đồng đã có hiệu lực; (ii) Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện Hợp đồng đã thỏa thuận trong Hợp đồng; (iii) Nhà thầu thực hiện Hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (trường hợp này, ngoài việc Nhà thầu không được nhận lại bảo lãnh thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu còn bị phạt vi phạm Hợp đồng theo quy định tại Mục 22 E-ĐKC). Chủ đầu tư sẽ có văn bản yêu cầu Ngân hàng phát hành thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng chi trả một phần hoặc toàn bộ số tiền trong chứng thư bảo lãnh mà không cần sự đồng ý của Nhà thầu.
<p>E-ĐKC 6.1</p>	<p>Danh sách nhà thầu phụ: ___ [ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</p>
<p>E-ĐKC 7.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày; - Giải quyết tranh chấp: Mọi mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng phải được giải quyết trước hết bằng trao đổi, thương lượng trên tinh thần thiện chí và hợp tác. Nếu các Bên không thương lượng được, thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày không thể thương lượng được, một trong các Bên được khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền tại TP. Hồ Chí Minh. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

<p>E-ĐKC 9</p>	<p>Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và chứng từ sau đây:</p> <p>Nhà thầu phải xuất trình cho Chủ đầu tư đầy đủ các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, của đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương cấp/ủy quyền cho nhà thầu nhằm chứng minh nhà thầu được ủy quyền hợp lệ của nhà sản xuất, đại lý phân phối để cung cấp hàng hóa đó ở Việt Nam. - Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy đối với các vật tư, thiết bị cung cấp cho gói thầu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hiện hành hoặc các tài liệu tương đương khác (nếu có). - Đầy đủ các catalogue, tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa, thư xác nhận... nêu rõ các thông số kỹ thuật, đồng bộ và phù hợp với thông số dự thầu do nhà sản xuất/đại diện hợp pháp của nhà sản xuất phát hành. Trường hợp nhà thầu cung cấp không đủ hoặc thiếu catalogue, các tài liệu kỹ thuật, bản vẽ hàng hóa, thư xác nhận... Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu bổ sung nếu cần thiết. - Các tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng của hàng hóa chào thầu: <ul style="list-style-type: none"> • <u>Đối với hàng hóa nhập khẩu:</u> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O): Giấy chứng nhận xuất xứ C/O phải được phát hành bởi cơ quan có thẩm quyền của nước nơi sản xuất (bao gồm chế tạo và lắp ráp) ra toàn bộ hàng hóa. C/O phải đảm bảo giá trị pháp lý khi được sử dụng tại Việt Nam; + Giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) của hàng hóa; + Vận đơn của hàng hóa (Bill of Lading, Airway Bill); + Phiếu đóng gói chi tiết của hàng hóa (Packing List); + Biên bản thí nghiệm xuất xưởng của hàng hóa (Test Report); + Giấy chứng nhận bảo hành của nhà sản xuất/đại diện kinh doanh hợp pháp của nhà sản xuất tại Việt Nam. • <u>Đối với hàng hóa trong nước:</u> <ul style="list-style-type: none"> + Phiếu kiểm tra hàng hóa trước khi xuất xưởng hoặc chứng nhận chất lượng của đơn vị sản xuất hoặc các kết quả thí nghiệm trước khi xuất xưởng (nếu có); + Phiếu xuất kho; + Biên bản hoặc phiếu giao hàng hóa; + Các chứng từ khác theo quy định.
-----------------------	--

	<ul style="list-style-type: none"> • <u>Đối với các vật tư, thiết bị sử dụng cho gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh theo các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy (“PCCC”):</u> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận kiểm định về PCCC của phương tiện PCCC (đối với các vật tư, thiết bị thuộc diện phương tiện PCCC là hàng hóa đang lưu thông trên thị trường); + Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC đối với mẫu kết cấu, cấu kiện được sử dụng để làm mẫu sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa (đối với các vật tư, thiết bị thuộc diện phương tiện PCCC do nhà thầu/nhà sản xuất chế tạo cho công trình theo yêu cầu của thiết kế: cấu kiện ngăn cháy, các kết cấu được bọc bảo vệ bằng các chất hoặc vật liệu chống cháy...). Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về chất lượng của hàng hóa tương ứng với mẫu đã được kiểm định và cấp chứng nhận kiểm định PCCC. Các sản phẩm, hàng hóa đã được kiểm định mẫu kết cấu, cấu kiện ngăn cháy nhà thầu chịu trách nhiệm về việc hàng hóa được ghi nhãn đầy đủ, thể hiện rõ các thông tin về nhà sản xuất; ký mã hiệu; năm sản xuất; giới hạn chịu lửa; số chứng nhận kiểm định... theo quy định của pháp luật về PCCC. - Nhà thầu phải đảm bảo vật tư, thiết bị do mình cung cấp cho gói thầu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và quy định về PCCC hiện hành, đảm bảo các chứng từ, tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu về PCCC sau này của Chủ đầu tư. <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định.
E-ĐKC 12.3	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế giá trị gia tăng có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong Hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế giá trị gia tăng phát sinh, thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong Hợp đồng.
E-ĐKC 13.1	Tạm ứng: Đợt 01: Tạm ứng Trong vòng 15 ngày kể từ ngày các bên ký kết Hợp đồng này và Chủ đầu tư đã nhận được đầy đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ từ Nhà thầu, thì Chủ

	<p>đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 20% Giá trị Hợp đồng (không bao gồm VAT).</p> <p>Hồ sơ đề nghị tạm ứng hợp lệ gồm 04 bộ với đầy đủ các văn bản, tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Giấy đề nghị thanh toán được đại diện có thẩm quyền của Nhà thầu ký, đóng dấu. (ii) Bảo lãnh tạm ứng có giá trị bằng giá trị tạm ứng (chưa bao gồm thuế Giá trị Gia tăng). (iii) Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có giá trị bằng 20% Giá trị Hợp đồng (đã bao gồm thuế Giá trị Gia tăng). (iv) Giấy chứng nhận bảo hiểm theo quy định tại Điều 10 Hợp đồng. (v) Bảng tổng tiến độ thi công chi tiết được Chủ đầu tư phê duyệt.
<p>E-ĐKC 14.2</p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đợt 02: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn thành việc vận chuyển toàn bộ hàng hóa đến địa điểm lắp đặt và Chủ đầu tư đã nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ, thì Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 60% Giá trị Hợp đồng (đã khấu trừ giá trị tạm ứng). Hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ gồm 04 bộ với đầy đủ các văn bản, tài liệu sau: <ul style="list-style-type: none"> (i) Giấy đề nghị thanh toán được đại diện có thẩm quyền của Nhà thầu ký, đóng dấu. (ii) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán theo mẫu của Chủ đầu tư. (iii) Bảng xác nhận giá trị, khối lượng công việc đã hoàn thành phù hợp theo Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát xác nhận. (iv) Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ. (v) Biên bản xác nhận Hàng hóa đã được Nhà thầu vận chuyển đến địa điểm lắp đặt được đại diện hợp pháp của Hai Bên xác nhận. (vi) Hồ sơ Hàng hóa được quy định tại Điều 7.1.3 Hợp Đồng. - Đợt 03: Quyết toán Hợp Đồng Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Nhà thầu hoàn tất toàn bộ các công việc theo Hợp đồng (kể cả các phát sinh nếu có) và Công trình được nghiệm thu, đưa vào sử dụng, và Nhà thầu đã chuyển sang nghĩa vụ bảo hành, thì Nhà thầu có trách nhiệm tập hợp Hồ sơ Quyết toán gửi Chủ đầu tư. Nếu quá 30 ngày mà không có lý do, Chủ đầu tư sẽ đơn phương quyết toán và Nhà thầu phải chấp nhận số liệu quyết toán của Chủ đầu tư.

Giá trị Quyết toán là Giá trị theo Hợp đồng đã ký cộng với phát sinh tăng (nếu có) và/hoặc trừ đi khối lượng, phạm vi công việc bị cắt giảm (nếu có).

Chủ đầu tư sẽ thanh toán đến 100% Giá trị Quyết toán cho Nhà thầu trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đầy đủ Hồ sơ đề nghị quyết toán hợp lệ của Nhà thầu.

Hồ sơ đề nghị quyết toán hợp lệ gồm 04 bộ với đầy đủ các văn bản, tài liệu sau:

- (i) Giấy đề nghị thanh toán được đại diện có thẩm quyền của Nhà thầu ký, đóng dấu.
- (ii) Bảng nghiệm thu khối lượng công việc đã hoàn thành phù hợp theo Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng được Chủ đầu tư xác nhận.
- (iii) Bảng nghiệm thu khối lượng, nội dung công việc phát sinh tăng/giảm do yêu cầu thay đổi của Chủ đầu tư (nếu có).
- (iv) Bảng tính Giá trị Quyết toán Hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu.
- (v) Hoá đơn giá trị gia tăng hợp lệ tương ứng với Giá trị Quyết toán chưa được xuất hóa đơn.
- (vi) Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% Giá trị Quyết toán của Hợp đồng.
- (vii) Văn bản cam kết cung cấp đầy đủ hồ sơ liên quan đến hàng hóa mà Bên B cung cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu tư có yêu cầu và cử nhân sự có trách nhiệm liên quan tham gia các buổi nghiệm thu PCCC và nghiệm thu xây dựng đối với toàn bộ Công trình “Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” mà không phát sinh thêm bất kỳ chi phí nào. Trường hợp Nhà thầu không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo yêu cầu của Chủ đầu tư nêu trên thì Chủ đầu tư được quyền thu hồi bảo lãnh bảo hành của Nhà thầu.
- (viii) Hồ sơ nghiệm thu được quy định tại Điều 7.3.3 Hợp đồng.
- (ix) Biên bản nghiệm thu hoàn thành Công trình và bàn giao đưa vào sử dụng do đại diện có thẩm quyền của các Bên xác nhận (bao gồm Chủ đầu tư, Nhà thầu, Đơn vị Tư vấn giám sát, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có)).
- (x) Biên bản xác nhận hồ sơ đề nghị quyết toán đã đầy đủ và hợp lệ được đại diện có thẩm quyền của Hai Bên ký, đóng dấu.

Trường hợp Nhà thầu không cung cấp C/O, C/Q hợp lệ theo đúng quy

	<p>định của Hợp đồng và E-HSMT, thì Nhà thầu phải giảm giá tối thiểu 30% Giá trị Hợp đồng và số tiền này được Chủ đầu tư khấu trừ vào đợt thanh toán gần nhất. Hai Bên thống nhất và hiểu rằng việc giảm giá này không phải là phạt vi phạm Hợp đồng. Nếu Nhà thầu vi phạm các quy định khác của Hợp đồng, thì Nhà thầu vẫn bị phạt vi phạm Hợp đồng và phải chịu thêm mức phạt vi phạm được quy định tại Điều 15 Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 15.2	Quyền: Không áp dụng.
E-ĐKC 18.2	<p>Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa và bảo quản hàng hóa theo đúng tiêu chuẩn của hàng hóa và phù hợp với phương tiện vận chuyển để vận chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao hàng đã quy định. Việc đóng gói đảm bảo hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ, trong khi vận chuyển và tránh các tác động khác của môi trường. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc đóng gói hàng hóa, vận chuyển hàng hóa do nhà thầu chịu trách nhiệm và chi trả. - Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm toàn bộ các vấn đề thất lạc, hư hỏng hàng hóa.
E-ĐKC 19	<p>Nội dung bảo hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu có trách nhiệm mua bảo hiểm cho toàn bộ hàng hóa cung cấp trong Hợp đồng. Bảo hiểm đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như phù hợp với điều kiện thương mại được áp dụng. - Nhà thầu phải mua bảo hiểm thuộc trách nhiệm của mình gồm bảo hiểm vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công (nếu cần thiết), bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm đối với bên thứ ba và các chi phí bảo hiểm khác theo quy định Pháp luật hiện hành là bắt buộc đối với nhà thầu để bảo hiểm đầy đủ cho các nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của mình như được nêu trong Hợp đồng và để đáp ứng bất cứ yêu cầu nào của Chính quyền hoặc của cơ quan chức năng khác. Nhà thầu phải chịu toàn bộ bảo hiểm hàng hóa cho đến khi được nghiệm thu bàn giao cho Chủ đầu tư.
E-ĐKC 20.1	<p>Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo Hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa và bàn giao đến địa điểm dự án cho Chủ đầu tư theo thời gian Nhà thầu thông báo và đã được các Bên thống nhất. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và tập kết tại vị trí kho bãi (hoặc lưu kho của Chủ đầu tư) theo quy định trong Hợp đồng và do Nhà thầu thực hiện. Nhà thầu phải đảm bảo chất lượng, cũng như hình thức của hàng hóa,</p>

	<p>đảm bảo hàng hóa nguyên vẹn, thẩm mỹ trong quá trình vận chuyển. Nhà thầu chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động cho người, hàng hóa trong quá trình vận chuyển và bốc dỡ hàng hóa cho đến khi hàng hóa được nghiệm thu, bàn giao cho Chủ đầu tư. Toàn bộ các chi phí liên quan do nhà thầu chịu và được tính trong giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 20.2	<p>Các dịch vụ bao gồm: Theo yêu cầu của E-HSMT và được quy định cụ thể trong Hợp đồng.</p>
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>Trong vòng 03 ngày, kể từ ngày hàng hóa được vận chuyển đến công trình, đại diện các Bên (Chủ đầu tư, Đơn vị Tư vấn giám sát của Chủ đầu tư và Nhà thầu) sẽ tiến hành kiểm tra về số lượng, chủng loại, tình trạng hàng hóa và lập các biên bản kiểm tra giao nhận chi tiết.</p> <p>Các biên bản kiểm tra giao nhận hàng hóa tại công trình sẽ là cơ sở để Chủ đầu tư thanh toán Hợp đồng cũng như để khiếu nại Nhà thầu nếu có thiệt hại hay hàng hóa không đúng yêu cầu.</p> <p>Thí nghiệm, thử nghiệm kiểm tra: Vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền thuê một pháp nhân độc lập, có đầy đủ chức năng và năng lực và thẩm quyền để tiến hành các thí nghiệm, thử nghiệm kiểm tra xác suất mẫu các loại hàng hoá theo các thông số kỹ thuật mà Nhà thầu đã mô tả/đã cam kết trong E-HSMT của mình.</p> <p>Căn cứ vào kết quả thử nghiệm, thí nghiệm kiểm tra này, Chủ đầu tư sẽ đưa ra những quyết định công bằng và phù hợp với quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp kết quả thử nghiệm, thí nghiệm kiểm tra cho thấy các thông số kỹ thuật của hàng hoá đáp ứng đầy đủ hoặc với thông số tốt hơn các thông số kỹ thuật đã nêu trong Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc thử nghiệm, thí nghiệm kiểm tra này. - Trường hợp kết quả thí nghiệm kiểm tra cho thấy bất kỳ thông số kỹ thuật của hàng hóa không đáp ứng các thông số kỹ thuật yêu cầu, Chủ đầu tư có quyền từ chối toàn bộ lô hàng, thông báo trả hàng, tịch thu bảo đảm thực hiện Hợp đồng và tiến hành thanh lý Hợp đồng. Đồng thời, Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc thử nghiệm, thí nghiệm kiểm tra đã thực hiện. Ngoài ra, Chủ đầu tư có quyền xem xét không cho phép Nhà thầu tham gia các gói thầu do Chủ đầu tư tổ chức trong các đợt đấu thầu tiếp theo.
E-ĐKC 21.2	<p>Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: Tại địa điểm do Chủ đầu tư và Nhà thầu thống nhất.</p>

E-ĐKC 22
1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.

- Trường hợp Nhà thầu vi phạm tiến độ thực hiện Hợp đồng thì Nhà thầu bị phạt 0,1% Giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ trong 05 ngày đầu tiên; phạt 0,2% Giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ trong 05 ngày tiếp theo; phạt 0,5% Giá trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ tiếp theo. Trong trường hợp Nhà thầu chậm tiến độ quá 10 ngày, Chủ đầu tư có quyền xem xét chấm dứt Hợp đồng, đồng thời, Nhà thầu vẫn phải chịu phạt vi phạm tương ứng với thời gian chậm tiến độ. Mọi chi phí từ việc chấm dứt Hợp Đồng do Nhà thầu chịu.
- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu có nghĩa vụ cung cấp tài liệu cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư cung cấp cho Nhà thầu tư vấn PCCC, phục vụ công tác nghiệm thu PCCC cho toàn bộ công trình Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9. Nếu Nhà thầu không cung cấp hoặc không cung cấp đầy đủ, làm ảnh hưởng đến công tác nghiệm thu PCCC của Chủ đầu tư, thì Chủ đầu tư có quyền phạt vi phạm 12% Giá trị Hợp đồng, tịch thu các bảo lãnh của Nhà thầu và các khoản tiền mà Chủ đầu tư đã thanh toán cho Nhà thầu.
- Trường hợp Nhà thầu không đảm bảo chất lượng Hàng hóa, Công trình theo quy định Hợp đồng, thì Nhà thầu bằng chi phí của mình phải khắc phục, bổ sung, thay thế trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ ngừng thanh toán tiền cho Nhà thầu cho đến khi nào Nhà thầu khắc phục, bổ sung, thay thế xong đạt chất lượng như thoả thuận trong Hợp đồng. Nếu Nhà thầu không khắc phục, bổ sung, thay thế trong vòng 10 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư thông báo, thì Chủ đầu tư được quyền tự mình hoặc thuê đơn vị khác thực hiện. Mọi chi phí và các thiệt hại phát sinh khác (nếu có) sẽ do Nhà thầu chịu. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Ngân hàng chi trả các khoản bảo lãnh, hoặc Chủ đầu tư có quyền yêu cầu và Nhà thầu có nghĩa vụ thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư yêu cầu. Ngoài ra, trong trường hợp này, Chủ đầu tư có quyền phạt vi phạm bằng 12% Giá trị Hợp đồng.
- Trường hợp Nhà thầu vi phạm một hoặc các quy định khác của Hợp đồng, thì phải chịu phạt vi phạm bằng 12% Giá trị Hợp đồng.
- Việc bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm không giải phóng quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp Đồng này.
- Ngoài các khoản phạt tại Điều này, các Bên còn thống nhất mức phạt vi phạm thi công tại công trường cho Nhà thầu được quy định tại Phụ lục 04 đính kèm Hợp đồng.

	<p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại, tổn thất thực tế, trực tiếp mà Chủ đầu tư phải chịu do Nhà thầu gây ra và khoản lợi trực tiếp mà Chủ đầu tư đáng lẽ được thụ hưởng nếu không có hành vi vi phạm của Nhà thầu.</p>
E-ĐKC 23.3	<p>Thời hạn bảo hành là: Tối thiểu 12 tháng, kể từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng chính chức. Nhà thầu nộp bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 05% Giá trị Quyết toán Hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành được thể hiện dưới hình thức thư bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nơi mà Nhà thầu mở tài khoản phát hành. Tất cả chi phí phát sinh và duy trì bảo lãnh bảo hành do Nhà thầu chịu. Mẫu Thư bảo lãnh bảo hành phải được Hai Bên thống nhất trước khi phát hành.</p> <p>Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Được quy định cụ thể tại Mục E-ĐKC 1.11.</p>
E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Trong vòng 01 ngày, kể từ khi Chủ đầu tư thông báo đến Nhà thầu thông qua số Hotline mà nhà thầu cung cấp.</p>
E-ĐKC 27.7 (d)	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá Hợp đồng.</p>

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên và địa chỉ của nhà thầu trúng thầu] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần thì ghi tên, số hiệu của phần mà nhà thầu được công nhận trúng thầu] với giá hợp đồng là ____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu] với thời gian thực hiện gói thầu là ____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng thông qua phương tiện điện tử:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng];
- Địa chỉ phương tiện điện tử: ____ [ghi đường link, tên đăng nhập, mật khẩu (nếu có)...];
- Việc ký biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có) thực hiện trên Hệ thống.

Trường hợp hoàn thiện hợp đồng trực tiếp:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm⁽²⁾ ____ [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 18 Phần 4 của E-HSMT với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 5.2 E-ĐKCT của E-HSMT].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽³⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Ghi chú:

- (1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng điện tử.
- (2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.
- (3) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG

(Dự thảo hợp đồng đính kèm E-HSMT)

Số tham chiếu bảo lãnh:

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi: Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông FPT

Địa chỉ: Lô T2-5 Đường D1, khu Công nghệ Cao, phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

(sau đây gọi là “**Chủ đầu tư**”)

1. Theo đề nghị của **Công ty** ____ có địa chỉ tại ____ (sau đây gọi là “**Bên được bảo lãnh**”) là đơn vị đã ký Hợp đồng ____ (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) với **Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông FPT**.
2. Theo quy định trong Hợp đồng, **Bên được bảo lãnh** phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng.
3. Chúng tôi, **Ngân hàng** ____ - **Chi nhánh** ____, có trụ sở đăng ký tại ____ (sau đây gọi là “**Ngân hàng**”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Bên được bảo lãnh với số tiền là ____
4. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang cho Chủ đầu tư số tiền tối đa ____, ngay khi nhận được các tài liệu gồm:
 - (i) Bản gốc thư bảo lãnh này và bản gốc các thư sửa đổi liên quan (nếu có); và
 - (ii) Bản gốc văn bản yêu cầu thanh toán do Chủ đầu tư lập, trong đó thông báo rằng:
 - Bên Được Bảo Lãnh đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng mà không cần phải chứng minh các vi phạm đó; và
 - Số tiền Chủ đầu tư đề nghị Ngân Hàng thanh toán.
 - (iii) Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp người ký trên Văn bản yêu cầu thanh toán nêu tại điểm (ii) trên đây là người được ủy quyền hợp pháp của Chủ đầu tư (Bản gốc hoặc bản photocopy có đóng dấu treo Công ty của Chủ đầu tư).
5. Trừ trường hợp số tiền thanh toán hoặc tổng số tiền của các lần thanh toán theo Thư bảo lãnh này đã đạt mức tối đa của Số Tiền Bảo Lãnh, thì ngay sau khi Ngân Hàng đã thanh

toán cho Chủ đầu tư, Ngân Hàng phải trả lại bản gốc Thư bảo lãnh cho Chủ đầu tư theo địa chỉ nêu tại trang đầu tiên của Thư bảo lãnh này, hoặc theo địa chỉ được Chủ đầu tư chỉ định tại Văn bản yêu cầu thanh toán bảo lãnh, hoặc giao trực tiếp cho Chủ đầu tư.

6. Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___ ngày kể từ ngày phát hành (tức là có hiệu lực kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___ đến hết 16h30 ngày ___ tháng ___ năm ___).
7. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu và Bên Được Bảo Lãnh có nghĩa vụ thực hiện việc gia hạn Thời Hạn Hiệu Lực của Thư Bảo lãnh này nếu vào thời điểm 10 (mười) ngày trước ngày hết hiệu lực của Thư bảo lãnh mà Bên Được Bảo Lãnh chưa hoàn thành các nghĩa vụ được quy định trong Hợp Đồng. Thời gian gia hạn tương ứng với thời gian dự kiến hoàn thành (mỗi lần gia hạn không ít hơn 30 (ba mươi) ngày).
8. Mọi yêu cầu thanh toán của Bên Nhận Bảo Lãnh liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được gửi đến địa chỉ: ___ (có ít nhất 01 địa chỉ nhận hồ sơ tại TP. HCM) trong thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh.
9. Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Toà án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.
10. Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản gốc duy nhất bằng tiếng Việt và không có giá trị chuyển nhượng.
11. Để kiểm tra tính xác thực của Thư bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể sử dụng dịch vụ tra cứu trực tuyến thông tin bảo lãnh tại website chính thức của Ngân hàng [...], hoặc gửi văn bản đề nghị xác thực Thư bảo lãnh kèm theo bản sao Thư bảo lãnh tới địa chỉ của Ngân hàng quy định tại Thư bảo lãnh này.

NGÂN HÀNG ___ - CHI NHÁNH ___

Người đại diện Ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Số tham chiếu bảo lãnh:

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

THƯ BẢO LÃNH TẠM ỨNG

Kính gửi: Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông FPT

Địa chỉ: Lô T2-5 Đường D1, Khu Công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1. Chúng tôi được biết rằng **Công ty** ____ có trụ sở đăng ký tại: ____ (sau đây gọi là “**Bên được bảo lãnh**”) đã ký Hợp đồng ____ ngày ____ (sau đây gọi là “**Hợp đồng**”) với **Công ty Cổ phần Công nghệ viễn thông FPT** (sau đây gọi là **Bên Nhận Bảo Lãnh**).
2. Theo đề nghị của Bên được bảo lãnh, Chúng tôi - **Ngân hàng** ____ - **Chi nhánh** ____ có trụ sở đăng ký tại: ____ (sau đây gọi là “**Ngân hàng**”) đồng ý cấp cho Bên được bảo lãnh một Bảo lãnh tạm ứng vô điều kiện và không hủy ngang, thanh toán cho Bên Nhận Bảo Lãnh số tiền tối đa ____ ngay khi nhận được các tài liệu gồm:
 - (iv) Bản gốc thư bảo lãnh này và bản gốc các thư sửa đổi liên quan (nếu có); và
 - (v) Bản gốc văn bản yêu cầu thanh toán do Bên Nhận Bảo Lãnh lập, trong đó thông báo rằng:
 - Bên Được Bảo Lãnh đã vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng mà không cần phải chứng minh các vi phạm đó; và
 - Số tiền Bên Nhận Bảo Lãnh đề nghị Ngân Hàng thanh toán.
 - (vi) Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp người ký trên Văn bản yêu cầu thanh toán nêu tại điểm (ii) trên đây là người được ủy quyền hợp pháp của Bên Nhận Bảo Lãnh (Bản gốc hoặc bản photocopy có đóng dấu treo Công ty của Bên Nhận Bảo Lãnh).
3. Trách nhiệm của Ngân hàng theo Thư bảo lãnh này chỉ giới hạn tối đa trong số tiền ____.
4. Giá trị bảo lãnh sẽ được tự động giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng theo Hợp đồng mà Bên Nhận Bảo Lãnh đã thu hồi qua các đợt thanh toán. Bản gốc văn bản xác nhận số tiền tạm ứng đã thu hồi có dẫn chiếu số và ngày của Hợp đồng được ký và đóng dấu bởi người đại diện hợp pháp của Bên Nhận Bảo Lãnh xuất trình đến Ngân hàng chúng tôi sẽ là bằng chứng xác định số tiền tạm ứng theo Hợp đồng mà Bên Nhận Bảo Lãnh đã thu hồi.
5. Trừ trường hợp số tiền thanh toán hoặc tổng số tiền của các lần thanh toán theo Thư bảo lãnh này đã đạt mức tối đa của Số Tiền Bảo Lãnh, thì ngay sau khi Ngân Hàng đã thanh

Gói thầu: *Cung cấp và lắp đặt hệ thống tủ rack, thanh nguồn*

Dự án: *“Trung tâm Dữ liệu FPT Telecom Quận 9” (Giai đoạn 2)*

toán cho Bên Nhận Bảo Lãnh, Ngân Hàng phải trả lại bản gốc Thư bảo lãnh cho Bên Nhận Bảo Lãnh theo địa chỉ nêu tại trang đầu tiên của Thư bảo lãnh này, hoặc theo địa chỉ được Bên Nhận Bảo Lãnh chỉ định tại Văn bản yêu cầu thanh toán bảo lãnh, hoặc giao trực tiếp cho Bên Nhận Bảo Lãnh.

6. Thư bảo lãnh này có hiệu lực trong thời hạn ___ ngày kể từ ngày tạm ứng/ hoặc ___ ngày kể từ ngày phát hành.
7. Bên Nhận Bảo Lãnh có quyền yêu cầu và Bên Được Bảo Lãnh có nghĩa vụ thực hiện việc gia hạn Thời Hạn Hiệu Lực của Thư Bảo lãnh này nếu vào thời điểm 10 (mười) ngày trước ngày hết hiệu lực của Thư bảo lãnh mà Bên Được Bảo Lãnh chưa thu hồi được toàn bộ số tiền tạm ứng. Thời gian gia hạn tương ứng với thời gian dự kiến hoàn thành (mỗi lần gia hạn không ít hơn 30 (ba mươi) ngày).
8. Mọi yêu cầu thanh toán của Bên Nhận Bảo Lãnh liên quan đến Thư bảo lãnh này phải được gửi đến địa chỉ: ___ (có ít nhất 01 địa chỉ nhận hồ sơ tại TP. HCM trong thời hạn hiệu lực của Thư bảo lãnh).
9. Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Toà án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.
10. Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản gốc duy nhất bằng tiếng Việt và không có giá trị chuyển nhượng.
11. Để kiểm tra tính xác thực của Thư bảo lãnh này, Bên Nhận Bảo Lãnh có thể sử dụng dịch vụ tra cứu trực tuyến thông tin bảo lãnh tại website chính thức của Ngân hàng ___, hoặc gửi văn bản đề nghị xác thực Thư bảo lãnh kèm theo bản sao Thư bảo lãnh tới địa chỉ của Ngân hàng quy định tại Thư bảo lãnh này.

NGÂN HÀNG ___ - CHI NHÁNH ___

Người đại diện Ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên Chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Bên mời thầu giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

Người ủy quyền

*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi hoàn thiện, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.
- (2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình hoàn thiện, ký hợp đồng và phải bảo đảm ngày có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.